

Số/No: 40/2025/CV-CKCT07

V/v Công bố thông tin Báo cáo thường niên 2024

của VietinBank Securities

Ref: Information disclosure of 2024 Annual

Report of VietinBank Securities

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Hanoi, March 26, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN
DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh/ Hochiminh Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

- Tên công ty:** Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
The Company name: Vietnam Bank for Industry and Trade Securities Joint Stock Company
- Mã chứng khoán:** CTS
Securities code: CTS
- Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
Head office address: Floor 1st to 4th, Building N02-T2 Diplomatic Corps Area, Xuan Tao Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City.
- Điện thoại/Telephone:** 024.39741771 **Fax:** 024.39741760
- Người thực hiện công bố thông tin/Submitted by:**
Họ và tên/Name: **Trần Thị Ngọc Tài/Tran Thi Ngoc Tai**
Chức vụ/Position: Phó Tổng giám đốc/Deputy General Director
Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Address: Floor 1st to 4th Floor, Building N02-T2 Diplomatic Corps Area, Xuan Tao Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City.
Điện thoại di động/Mobile: 0904182830

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường Yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular On demand

Nội dung thông tin công bố/Content of information disclosure:



Handwritten signature or mark in the bottom right corner.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank Securities) công bố thông tin Báo cáo thường niên 2024 của Công ty.

Vietnam Bank for Industry and Trade Securities Joint Stock Company (VietinBank Securities) announces the 2024 Annual Report of the Company.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/03/2025 tại đường dẫn: <https://www.cts.vn/2025/03/26/vietinbank-securities-cbtt-bao-cao-thuong-nien-2024/>

This information was posted on the Company's website on March 26, 2025 at this link: <https://www.cts.vn/2025/03/26/vietinbank-securities-cbtt-bao-cao-thuong-nien-2024/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

We hereby certify that the above information is true and correct and we bear full responsibility to the law.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/*As above*
- Lưu/*Archives*: Phòng TCHC, TVTCĐN/HR & Administration Department, Corporate Finance Advisory Department

Tài liệu đính kèm/ Attached documents

- Báo cáo thường niên 2024/
2024 Annual Report

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
**PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Ngọc Loan



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2024



HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI ĐỊA BÀN KINH DOANH

• Trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
☎ Điện thoại: 024.3974 1771 • Fax: 024.3974 1780

• Phòng giao dịch Bà Triệu: Tầng 1, số 306 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
☎ Fax: 024.3974 1760

• Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh: Tầng 1, Tầng 3 và Tầng 5, Tòa nhà văn phòng - Cao ốc Central Garden, số 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
☎ Điện thoại: 024.3974 1771 • Fax: 028.3820 0899

• Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản, Phường Hải Châu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
☎ Điện thoại: 024.3974 1771 • Fax: 023.6358 4788

**VỮNG NỀN TẢNG
VƯƠN TẦM CAO**

MỤC LỤC

- 03 THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 05 THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

I. THÔNG TIN CHUNG

- 09 Thông tin khái quát
- 13 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 15 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 17 Định hướng phát triển
- 17 Các rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 21 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 23 Tổ chức và nhân sự
- 25 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 25 Tình hình tài chính
- 26 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 27 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 35 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 43 Tình hình tài chính
- 44 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 45 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 46 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 47 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 51 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 55 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 56 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 59 Hội đồng quản trị
- 64 Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán
- 67 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 73 Ý kiến Kiểm toán
- 75 Báo cáo tài chính được kiểm toán



GIỚI THIỆU VIETINBANK SECURITIES

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (Công ty Chứng khoán Công thương - VietinBank Securities; Mã CTS, niêm yết sàn HOSE) là một trong những Công ty chứng khoán uy tín và lâu đời nhất tại Việt Nam. VietinBank Securities đã khẳng định được vị thế của mình thông qua việc cung cấp cho khách hàng tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân các dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên nghiệp và toàn diện. Bên cạnh đó, Công ty cũng được biết đến là một đơn vị kết nối cơ hội hợp tác, tham gia vào các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho doanh nghiệp.



TẦM NHÌN

Tiến phong trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư



SỨ MỆNH

Tạo lập cơ hội thành công cho khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Suy nghĩ tích cực - Thái độ tích cực - Hành động tích cực

"VietinBank Securities cam kết mọi hoạt động của Công ty đều hướng đến lựa chọn những nhân tố tốt nhất nhằm mang lại sự thành công cho khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên, đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam."

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“

Bước sang chặng đường mới, với tinh thần “VỮNG NỀN TẢNG – VƯƠN TẦM CAO”, VietinBank Securities cam kết tiếp tục củng cố nền tảng tài chính, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển hệ sinh thái sản phẩm toàn diện và ứng dụng công nghệ tiên tiến, mang đến cho khách hàng những giải pháp đầu tư hiệu quả và hiện đại nhất.

”

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý Đối tác,

Năm 2024 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế toàn cầu nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Những biến động trong chính sách tiền tệ, căng thẳng địa chính trị và sự dịch chuyển dòng vốn quốc tế đã tạo ra những áp lực không nhỏ lên thị trường tài chính. Tuy nhiên, bất chấp những trở ngại đó, nền kinh tế Việt Nam vẫn bứt phá mạnh mẽ với mức tăng trưởng GDP đạt 7,09%, vượt mục tiêu 6 - 6,5% đã đề ra. Thành quả này là minh chứng rõ nét cho sự chỉ đạo quyết liệt, điều hành linh hoạt của Đảng và Chính phủ, những nỗ lực không ngừng của các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Về thị trường chứng khoán trong nước năm 2024, do chịu ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô toàn cầu nên mặc dù kết thúc năm, chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1.266,78 điểm, tăng 12,11% so với năm 2023 nhưng phần lớn thị trường gần như chỉ dao động với nhiều lần không vượt qua được ngưỡng 1.300 điểm. Tinh chung cả thị trường, 2024 là năm nhà đầu tư nước ngoài bán ròng kỷ lục với tổng giá trị bán ròng hơn 90.000 tỷ đồng, gấp gần 4 lần năm 2023.

Bất chấp bối cảnh thị trường trong và ngoài nước có nhiều biến động, VietinBank Securities đã ghi nhận một năm kinh doanh khá quan với kết quả tích cực. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 287,39 tỷ đồng, tăng 24,48% so với năm trước, hoàn thành 102,56% chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông giao cho năm 2024. Những thành tựu này thể hiện sự đoàn kết, đồng lòng, cùng nhau nỗ lực vượt qua khó khăn của toàn bộ cán bộ nhân viên, góp phần khẳng định vị thế vững mạnh của VietinBank Securities trên thị trường tài chính.



Năm 2025 là một dấu mốc đặc biệt, kỷ niệm 25 năm thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), cũng là cột mốc quan trọng đánh dấu 25 năm hình thành và không ngừng đổi mới của VietinBank Securities. Là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được cấp phép hoạt động, VietinBank Securities tự hào khi đã song hành cùng sự ra đời, phát triển, hòa cùng những cung bậc, nhịp đập của thị trường chứng khoán Việt Nam. Trên hành trình ấy, VietinBank Securities luôn tiên phong trong việc nâng cao chuẩn mực vận hành, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam. Bước sang chặng đường mới, với tinh thần “VỮNG NỀN TẢNG – VƯƠN TẦM CAO”, VietinBank Securities cam kết tiếp tục củng cố nền tảng tài chính, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển hệ sinh thái sản phẩm toàn diện và ứng dụng công nghệ tiên tiến, mang đến cho khách hàng những giải pháp đầu tư hiệu quả và hiện đại nhất. Với lợi thế là công ty con của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, VietinBank Securities sẽ khai thác mạnh mẽ mô hình bán chéo trong hệ sinh thái tài chính, tối ưu hóa sự kết hợp giữa các sản phẩm và dịch vụ để tạo ra giá trị vượt trội cho khách hàng.

Đồng thời, Công ty đang tập trung nguồn lực để thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng, gia tăng hiệu quả hoạt động; tăng cường đầu tư vào nguồn nhân lực, phát triển đội ngũ chuyên gia hàng đầu, nâng cao năng lực tư vấn và hỗ trợ khách hàng một cách chuyên sâu và hiệu quả nhất.

Trên hành trình phát triển, VietinBank Securities không chỉ tập trung gia tăng giá trị doanh nghiệp mà còn kiên định với sứ mệnh kiến tạo một thị trường tài chính minh bạch, bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo dựng những giá trị thiết thực cho xã hội. Chúng tôi tin rằng, với bản lĩnh vững vàng, tư duy đột phá và sự đồng hành của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng cùng đội ngũ nhân sự tận tâm, VietinBank Securities sẽ tiếp tục bứt phá, khẳng định vị thế tiên phong trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên đã luôn đồng hành và sát cánh cùng VietinBank Securities trong suốt chặng đường vừa qua. Sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị chính là động lực to lớn để chúng tôi không ngừng cải tiến, hướng đến sự hoàn thiện trong từng sản phẩm, dịch vụ. Chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự đồng hành của Quý vị trên chặng đường sắp tới, góp phần xây dựng một VietinBank Securities thịnh vượng và phát triển vững mạnh.

Trân trọng!

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN PHÚC VINH

THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Chúng tôi tin rằng: Với hành trang là sự chuẩn bị tốt nhất về đội ngũ, công nghệ, giải pháp cùng tinh thần làm việc tích cực, chủ động và quyết liệt, năm 2025 sẽ đánh dấu “một VietinBank Securities 25 tuổi - trưởng thành, vững vàng, sung sức” kiên định với sứ mệnh xuyên suốt trong quá trình phát triển: Tạo lập cơ hội thành công bền vững cho khách hàng, cổ đông và nhân viên, đồng thời còn đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.



Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý Đối tác,

Năm 2024 chứng kiến những biến động mạnh mẽ về tình hình địa chính trị và bối cảnh kinh tế toàn cầu khi các cuộc xung đột địa chính trị tiếp tục kéo dài tác động trực tiếp tới mối quan hệ của các nước và sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới, lạm phát tiếp tục diễn biến phức tạp, lãi suất vẫn neo ở mức cao, nền kinh tế của Trung Quốc - cường quốc số 02 thế giới chứng kiến tốc độ tăng trưởng chậm lại dù Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra nhiều gói kích cầu nhằm vực dậy thị trường bất động sản, tốc độ tăng trưởng của ở những nền kinh tế hàng đầu EU đang ở mức báo động. Dù vậy, ví mô trong nước vẫn được giữ vững và tốc độ tăng GDP năm 2024 của cả nền kinh tế đạt 7,09%, vượt mục tiêu đề ra nhờ các giải pháp linh hoạt, chủ động của Chính phủ trong việc điều hành chính sách tiền tệ, kết hợp hài hòa với chính sách tài khóa.

Chịu tác động từ bối cảnh kinh tế toàn cầu, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng trải qua một năm giao dịch đầy thách thức, chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1.266,78 điểm, tăng 12,11%, thanh khoản cải thiện so với năm 2023 tuy nhiên diễn biến chính của thị trường là trạng thái đi ngang với nhiều lần không thành công trước ngưỡng kháng cự 1.300 điểm cùng với áp lực bán rông từ khối ngoại.

Trước những khó khăn, thách thức và sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường chứng khoán, Công ty luôn ưu tiên hàng đầu việc kiểm soát rủi ro nhằm trở thành điểm đến an toàn và đáng tin cậy cho đối tác, khách hàng. Đồng thời, Công ty đã không ngừng thúc đẩy các hoạt động kinh doanh cốt lõi để gia tăng giá trị cho cổ đông, tạo ra thu nhập ổn định và nâng cao phúc lợi cho người lao động. Với những giải pháp quyết liệt đã triển khai, năm 2024, Công ty đã ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với Lợi nhuận trước thuế đạt 287,392 tỷ đồng, tăng mạnh 24,48% và hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2024 Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 1.554 đồng/cổ phiếu, tăng 36,2% so với năm 2023.



Bước sang năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam được dự báo có những chuyển biến tích cực, sẵn sàng vượt mốc 1.300 điểm, có thể hướng tới 1.400 điểm đến từ các yếu tố như nhiệm vụ trọng tâm tăng trưởng kinh tế vĩ mô ổn định và kiểm soát lạm phát từ Đảng và Chính phủ, cùng giải pháp quyết liệt của các Bộ, Ban, Ngành để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 8%, hoàn thành giải ngân kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, kích bán năng lực thị trường chứng khoán trong năm 2025 thành công sẽ kích hoạt sự quay trở lại của nhà đầu tư nước ngoài, thu hút thêm nguồn vốn trong nước.

Với triển vọng của thị trường chứng khoán trong năm 2025, Công ty định hướng sẽ tận dụng tối đa cơ hội từ thị trường, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi, triển khai các giải pháp đột phá, hiệu quả, song song với việc thực hiện quản trị rủi ro chặt chẽ.

Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì và phát huy vị thế vững chắc với thương hiệu uy tín và ghi dấu ấn trên thị trường chứng khoán qua hơn 24 năm thành lập và phát triển, Công ty sẽ tập trung cung cấp dịch vụ tài chính chất lượng, an toàn cho đối tác và khách hàng, đồng thời, cập nhật xu hướng thị trường, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và đầu tư giải pháp công nghệ thông tin, nhằm mang lại những dịch vụ vượt trội, trải nghiệm khác biệt và tiện ích tối ưu trên cơ sở luôn lắng nghe và hiểu rõ nhu cầu của khách hàng.

Chúng tôi tin rằng: Với hành trang là sự chuẩn bị tốt về đội ngũ, công nghệ, giải pháp cùng với tinh thần tích cực, chủ động và quyết liệt, năm 2025 sẽ đánh dấu “một VietinBank Securities 25 tuổi - trưởng thành, vững vàng, sung sức” kiên định với sứ mệnh xuyên suốt trong quá trình phát triển: Tạo lập cơ hội thành công bền vững cho khách hàng, cổ đông và nhân viên, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển vững mạnh của nền kinh tế Việt Nam.

Thay mặt toàn thể đội ngũ nhân viên Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng đã tin tưởng và hỗ trợ chúng tôi trong suốt thời gian qua và mong Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng tiếp tục đồng hành với Công ty trong chặng đường sắp tới.

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC MẠNH

I. THÔNG TIN CHUNG

- *Thông tin khái quát*
- *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*
- *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*
- *Định hướng phát triển*
- *Các rủi ro*



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank Securities)

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Số: 0101078450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2009, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 24/12/2024.

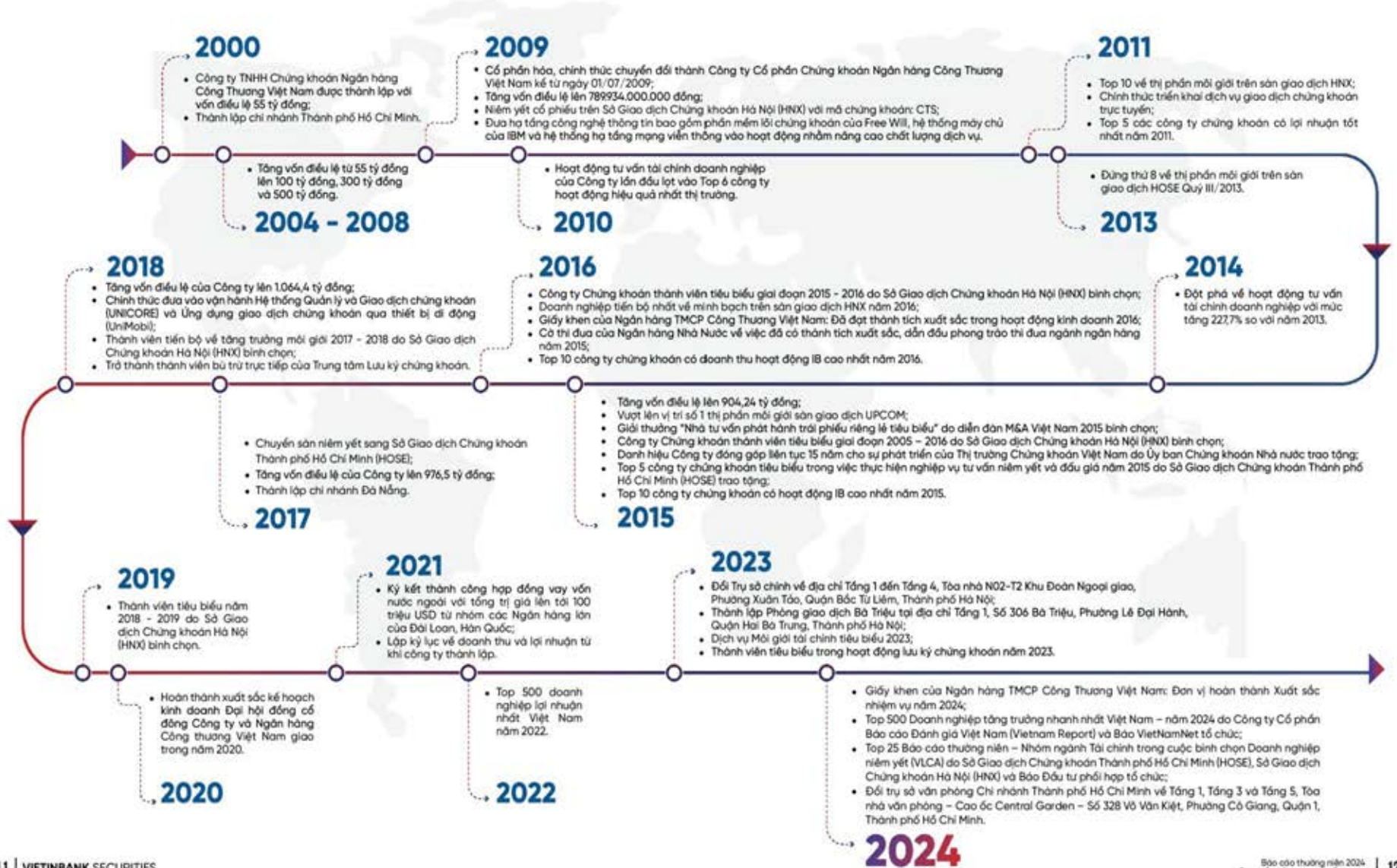
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Số: 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2009, Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 13/6/2019, Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 10/10/2022, Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 01/08/2023 và Giấy phép điều chỉnh số 103/GPĐC-UBCK ngày 17/01/2025.

Vốn điều lệ	: 1.487.383.110.000 đồng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 1.494.812.190.553 đồng. (Theo BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty)
Địa chỉ	: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
Số điện thoại	: (024).3974 1771
Fax	: (024).3974 1760
Website	: www.cts.vn
Mã cổ phiếu	: CTS
Sàn niêm yết	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101078450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2009, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 24/12/2024, các mã ngành, nghề kinh doanh của VietinBank Securities như sau:

MÃ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
6612 CHÍNH	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: Môi giới chứng khoán
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu Chi tiết: Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tư doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A);
- Tư vấn phát hành chứng khoán và đại lý phát hành chứng khoán;
- Tư vấn niêm yết /Đông kỷ giao dịch;
- Tư vấn cổ phần hóa/ chuyển đổi doanh nghiệp;
- Tư vấn chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính và bán đấu giá cổ phần;
- Tư vấn quan hệ nhà đầu tư (IR);
- Tư vấn đầu tư và chiến lược tài chính;
- Tư vấn khác.

Bảo lãnh phát hành

Dịch vụ chứng khoán

- Môi giới;
- Tư vấn đầu tư;
- Quản lý chứng khoán.

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Dịch vụ hỗ trợ tài chính

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trụ sở chính

Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Phòng giao dịch Bà Triệu

Tầng 1, số 306 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản, Phường Hải Châu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 1, Tầng 3 và Tầng 5, Tòa nhà văn phòng – Cao ốc Central Garden – Số 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

VietinBank Securities được tổ chức quản trị theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán với cơ cấu bao gồm:



Các công ty con, công ty liên kết Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong thời gian tới, VietinBank Securities sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp nền tảng trực tuyến và app giao dịch nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Bên cạnh việc khai thác lợi thế từ hệ sinh thái của Ngân hàng mẹ, VietinBank Securities cũng sẽ tiến hành nghiên cứu và ra mắt nhiều sản phẩm tài chính ưu việt để cung cấp cho khách hàng một bộ sản phẩm toàn diện hơn.

Trong tương lai xa hơn, nhằm nâng cao vị thế và uy tín của VietinBank Securities trên thị trường, việc đa dạng hóa nguồn vốn huy động từ các tổ chức tín dụng uy tín và nâng quy mô vốn điều lệ cũng là một nhiệm vụ quan trọng nhằm giúp VietinBank Securities đáp ứng nhu cầu giao dịch và đầu tư ngày càng đa dạng của khách hàng, góp phần đưa VietinBank Securities tiến gần hơn với mục tiêu trở thành Công ty Chứng khoán hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

CÁC RỦI RO

Năm 2024, công tác quản trị rủi ro tại VietinBank Securities tiếp tục thực hiện các hoạt động giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và Pháp luật có liên quan. Công tác quản trị rủi ro luôn song hành cùng hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện phát hiện sớm rủi ro tiềm ẩn và đưa các cảnh báo rủi ro, giúp VietinBank Securities hạn chế tối đa các tổn thất trong hoạt động kinh doanh.



Hoạt động quản trị rủi ro được vận hành dựa trên hệ thống các quy chế, quy trình nội bộ bằng văn bản. Hệ thống quy trình quản trị rủi ro bao gồm các nội dung xác định, nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, kiểm soát và xử lý rủi ro...

Bên cạnh đó, để tăng cường công tác phòng chống rủi ro VietinBank Securities đã đưa các cảnh báo rủi ro riêng và cụ thể vào các quy chế, quy định và quy trình của từng hoạt động kinh doanh.

Như vậy, các rủi ro liên quan đến khách hàng, các mảng kinh doanh của Công ty đều cơ bản được kiểm soát và có quy trình hướng dẫn chi tiết để thực hiện. Trong năm 2024, VietinBank Securities tiếp tục triển khai áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro: rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý, rủi ro danh tiếng.



Rủi ro hoạt động

VietinBank Securities tiếp tục chuẩn hóa các chính sách và quy trình kinh doanh nhằm tuân thủ các quy định pháp luật, rà soát và bổ sung các chốt kiểm soát liên quan đến các hoạt động môi giới, lưu ký, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư và tài chính kế toán. VietinBank Securities nhận thức rõ đây là công cụ và là yếu tố then chốt để quản lý hiệu quả rủi ro hoạt động.

Rủi ro thị trường

VietinBank Securities thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Việc đo lường Giá trị rủi ro thị trường được Công ty thực hiện định kỳ tháng, được đánh giá mức độ ảnh hưởng khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities và gửi báo cáo đến Ban Lãnh đạo cũng như các cơ quan quản lý. Công tác theo dõi cập nhật tình hình thị trường, tình hình cổ phiếu và dự báo sớm được các phòng nghiệp vụ phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng. VietinBank Securities đẩy mạnh việc giám sát và cảnh báo rủi ro thị trường thông qua xây dựng các mô hình và kịch bản ứng phó với rủi ro trong từng điều kiện biến động.

Rủi ro thanh toán

VietinBank Securities thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của giá trị rủi ro thanh toán khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities được thực hiện định kỳ tháng. Rủi ro thanh toán được giám thiếu thông qua hệ thống Quản trị rủi ro, thực hiện theo quy trình yêu cầu đối tác phải duy trì tài sản thế chấp ở mức hợp lý, phải thanh toán các khoản công nợ đúng như cam kết và có những điều khoản phòng ngừa rủi ro.

Rủi ro thanh khoản

VietinBank Securities giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các tài sản có thanh khoản cao ở mức mà Ban Lãnh đạo phân tích, đánh giá đủ đáp ứng cho các hoạt động của VietinBank Securities và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. VietinBank Securities thực hiện theo dõi dòng tiền hàng ngày để so sánh dòng tiền vào và dòng tiền ra phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính; phân tích, đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn. Ngoài ra, VietinBank Securities lập báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản dựa trên các số liệu tại bảng cân đối kế toán và các số liệu quản trị nội bộ của Công ty. Từ đó đưa ra các đánh giá về khả năng thanh khoản/ trọng thái thanh khoản của VietinBank Securities.

Rủi ro pháp lý

Bộ phận Pháp chế của VietinBank Securities thường xuyên chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của VietinBank Securities; rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán, thiếu đồng bộ. Bộ phận Pháp chế hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ kiểm tra tính pháp lý của các dự thảo hợp đồng và các văn bản phát hành của VietinBank Securities nhằm đảm bảo tính tuân thủ đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật.

Rủi ro danh tiếng

Bộ phận Truyền thông Thương hiệu thuộc Văn phòng Hội đồng quản trị VietinBank Securities thường xuyên đánh giá toàn diện các thông tin liên quan đến Công ty trên các phương tiện truyền thông, bao gồm báo chí, trang tin điện tử và mạng xã hội. Cụ thể, VietinBank Securities liên tục rà soát, cập nhật, phân tích và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời khi xuất hiện thông tin sai lệch. Đồng thời, Công ty cũng chủ động cung cấp các thông tin chính xác, minh bạch về hoạt động kinh doanh giúp củng cố niềm tin từ nhà đầu tư cũng như đối tác.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*
- *Tổ chức và nhân sự*
- *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*
- *Tình hình tài chính*
- *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*
- *Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty*



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Năm 2024, Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam trải qua nhiều biến động đáng chú ý, phản ánh sự tương tác phức tạp giữa các chính sách kinh tế vĩ mô và diễn biến thị trường toàn cầu. So với bức tranh ảm đạm của 02 năm trước, TTCK Việt Nam trong năm 2024 đã có sự phục hồi nhất định, tâm lý nhà đầu tư cải thiện và nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính gia tăng đáng kể.

Tăng trưởng mạnh mẽ trong Quý I/2024: Trong Quý I/2024, các biện pháp hỗ trợ kinh tế từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và Chính phủ Việt Nam đã phát huy hiệu quả, giúp VN-Index tăng 13,64%. Sự tăng trưởng này chủ yếu nhờ vào (1) Chính sách tiền tệ nới lỏng do NHNN giữ nguyên các mức lãi suất tái chiết khấu và tái cấp vốn ở mức thấp, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay và (2) Tăng trưởng tín dụng do NHNN điều hành tăng trưởng tín dụng linh hoạt, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế.

Áp lực tỷ giá và dòng vốn ngoại: Việc giảm lãi suất nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đã dẫn đến hệ quả là tỷ giá tăng mạnh, ảnh hưởng đến dòng vốn ngoại. Qua đó, tổng giá trị bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2024 đạt gần 90.000 tỷ đồng, gấp gần 4 lần so với năm 2023, đánh dấu mức bán ròng cao nhất trong một thập kỷ. Nguyên nhân chính đến từ (1) Sự tăng giá của đồng USD gây áp lực lên tỷ giá VND/USD, buộc NHNN phải can thiệp thông qua bán USD từ dự trữ ngoại hối và phát hành tín phiếu ngắn hạn để ổn định tỷ giá và (2) Chênh lệch lãi suất giữa VND và USD trong một số giai đoạn tăng cao, làm giảm sức hấp dẫn của VND đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Biến động giá vàng trong nước: Bước sang Quý II/2024, thị trường chịu tác động đáng kể từ diễn biến giá vàng trong nước và quốc tế. Việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) không thực hiện cắt giảm lãi suất như kỳ vọng đã khiến giá vàng tăng mạnh, buộc NHNN phải điều chỉnh phương thức can thiệp, chuyển sang bán vàng trực tiếp cho 04 Ngân hàng Thương mại Quốc doanh nhằm ổn định thị trường trong nước.

Hỗ trợ Thị trường Trái phiếu và BĐS: Đầu Quý III/2024, Chính phủ và NHNN triển khai các biện pháp hỗ trợ thị trường trái phiếu và bất động sản, bao gồm:

- Gia hạn Thông tư 02: Kéo dài thời gian thực hiện Thông tư 02 đến cuối năm 2024, giảm áp lực xử lý nợ xấu cho các tổ chức tín dụng.
- Ban hành các luật mới: Luật Nhà ở, Luật Đất đai và Luật Kinh doanh bất động sản chính thức có hiệu lực từ ngày 31/07/2024, tạo khung pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của thị trường bất động sản.

Nỗ lực nâng hạng thị trường chứng khoán: Bộ Tài chính ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC về cơ chế pre-funding cho nhà đầu tư nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 16/11/2024. Đây là bước tiến quan trọng nhằm đáp ứng các tiêu chí nâng hạng thị trường của FTSE Russell, thu hút thêm sự quan tâm của các nhà đầu tư quốc tế.

VietinBank Securities kỳ vọng với những cải cách chính sách quan trọng trong năm 2024 và dự kiến việc nâng hạng thị trường và các biện pháp hỗ trợ kinh tế dự kiến sẽ tạo động lực cho sự phát triển bền vững của thị trường trong năm 2025.

Bảng: Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm 2024 so với 2023
Tổng tài sản	5.036.970	8.457.053	8.698.122	2,85%
Doanh thu thuần	872.155	1.144.231	1.032.247	-9,79%
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	101.743	100.344	105.190	4,82%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	546.134	768.236	576.083	-25,01%
+ Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	443.632	533.828	391.768	-26,61%
+ Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	88.502	162.033	119.525	-26,23%
+ Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.000	72.375	64.880	-10,36%
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-	-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	9.206	2.322	1.120	-51,77%
Doanh thu hoạt động tư vấn	6.809	5.534	8.865	60,19%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	18.041	13.946	12.989	-6,96%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	189.174	253.382	319.638	26,15%
Thu nhập hoạt động khác	1.047	468	8.271	16.673,08%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	78.712	229.984	285.114	23,97%
Lợi nhuận khác	82	888	2.277	156,42%
Lợi nhuận trước thuế	78.794	230.872	287.392	24,48%
Lợi nhuận sau thuế	71.068	187.401	231.087	23,31%
Thị phần môi giới	0,67%	0,76%	0,76%	-
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	3,83%	9,20%	10,77%	17,07%

Theo đó, kết thúc năm 2024, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.032.247 triệu đồng, giảm 9,79% so với năm 2023. Kết quả này phản ánh bối cảnh phục hồi nhưng chưa thực sự vững chắc của thị trường chứng khoán năm 2024.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Mặc dù phải đối mặt với những thách thức và diễn biến khó lường của thị trường, Công ty vẫn tiếp tục bám sát, đánh giá và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời để thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. Kết thúc năm 2024, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 231.087 triệu đồng, tăng 23,31% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 của Công ty đạt 287.392 triệu đồng, tăng 24,48% so với năm 2023, vượt hơn 102% kế hoạch cả năm.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty tại thời điểm 31/12/2024 gồm các thành viên:



VŨ ĐỨC MẠNH

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1981
Quốc tịch: Việt Nam

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0% (không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



ĐẶNG ANH HÀO

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1984
Quốc tịch: Việt Nam

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0% (không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ ngành Tiến tế, Ngân hàng và Tài chính



PHẠM NGỌC HIỆP

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1978
Quốc tịch: Việt Nam

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Tài chính Ngân Hàng



NGUYỄN TUẤN ANH

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1983
Quốc tịch: Việt Nam

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh



TRẦN THỊ NGỌC TÀI

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1982
Quốc tịch: Việt Nam

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh



NGUYỄN THỊ ANH THƯ

Kế Toán Trưởng

Sinh năm: 1979
Quốc tịch: Việt Nam

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh

Những thay đổi trong Ban Điều hành: Không có

Số lượng cán bộ nhân viên Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

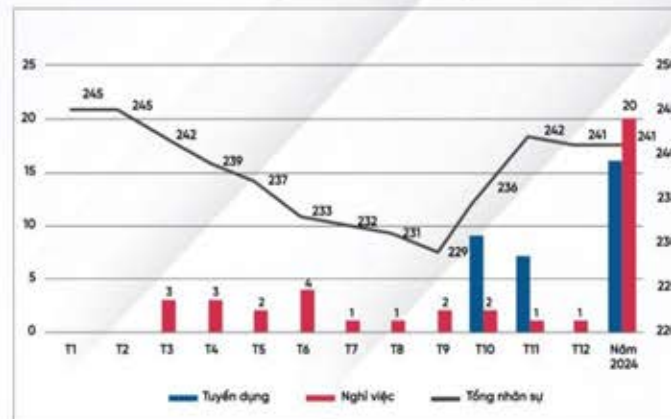
Năm 2024 với những khó khăn được xác định từ đầu năm đối với nền kinh tế và thị trường chứng khoán, hoạt động tuyển dụng nhân sự trong lĩnh vực chứng khoán có phần bị tác động khi tổng số lượng hồ sơ ứng tuyển tại Công ty Chứng khoán Công thương là hơn 300 hồ sơ so với Công ty chỉ tuyển dụng mới được 16 nhân sự trong cả năm. Trong đó phân bổ cho bộ phận kinh doanh là 10/16 người chiếm 63% số lao động được tuyển dụng trong năm 2024. Đến ngày 31/12/2024, tổng số nhân sự của Công ty Chứng khoán Công thương là 241 người giảm 2% so với đầu năm 2024 là 245 người.



Số lượng
cán bộ, nhân viên:

241
Người

Tình hình biến động nhân sự năm 2024



Cụ thể bảng số liệu

Nội dung	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Năm 2024
Tuyển dụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9	7	0	16
Nghỉ việc			3	3	2	4	1	1	2	2	1	1	20
Tổng nhân sự	245	245	242	239	237	233	232	231	229	236	242	241	241

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2024, Công ty Chứng khoán Công thương đã thực hiện giải ngân các khoản đầu tư cổ phiếu lớn như: CTCP Chứng khoán VIX (mã: VIX), CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa (mã: SBT), Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (mã: PET), Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP (mã: SEA)...

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu, năm 2024 Công ty Chứng khoán Công thương đã thực hiện đầu tư mới 03 trái phiếu với tổng giá trị đầu tư theo mệnh giá là 450 tỷ đồng. Cụ thể: 150 tỷ đồng đối với trái phiếu CTCP DNP Holding và 300 tỷ đồng đối với 02 trái phiếu của CTCP Điện Gia Lai.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

(Đơn vị: VND)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	8.457.052.562.089	8.698.121.752.031	2,85%
Doanh thu thuần	1.144.231.385.757	1.032.246.753.412	-9,79%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	229.983.663.349	285.114.140.997	23,97%
Lợi nhuận khác	888.103.238	2.277.383.781	156,43%
Lợi nhuận trước thuế	230.871.766.587	287.391.524.778	24,48%
Lợi nhuận sau thuế	187.400.623.843	231.086.774.298	23,31%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (cuối kỳ)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,31	1,34
Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	1,31	1,34
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (cuối kỳ)			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,76	0,74
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,15	2,86
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	-	-
Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,17	0,12

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,16	0,22
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	Lần	0,09	0,10
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	Lần	0,02	0,03
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	20,1	27,62

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2024	1.487.383.110.000 đồng
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2024	148.738.311 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2024	148.738.311 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2024	0 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng tại ngày 31/12/2024	148.738.311 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng tại ngày 31/12/2024	0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty: 49%
Cơ cấu cổ đông:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn	112.498.833	75,635%
-	Trong nước	112.498.833	75,635%
-	Trong đó: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	112.498.833	75,635%
-	Nước ngoài	-	-
2	Cổ đông Nhà nước (*)	112.498.833	75,635%
3	Cổ đông khác	36.239.478	24,365%
3.1	Trong nước	35.444.315	23,83%
-	Cổ đông tổ chức	303.820	0,2%
-	Cổ đông cá nhân	35.140.495	23,63%
3.2	Nước ngoài	795.163	0,535%
-	Cổ đông tổ chức	599.620	0,405%
-	Cổ đông cá nhân	195.543	0,13%
4	Cổ phiếu quỹ	0	0%

(*) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và là Cổ đông nhà nước và là Cổ đông lớn của Công ty

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
Năm 2009	789,934		Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần	UBCKNN
Năm 2015	837,3	47,366	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2016	904,24	66,94	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2017	976,5	72,26	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2018	1,064,4	87,9	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2022	1,149,5	85,1	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
	1,487,3	337,8	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	




Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ sau khi báo cáo với UBCKNN, cụ thể như sau:

Số lượng cổ phiếu quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:	36.962 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ đăng ký bán:	36.962 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ sau khi thực hiện giao dịch:	0 cổ phiếu
Thời gian thực hiện:	Từ ngày 10/05/2024 đến ngày 24/05/2024
Phương thức giao dịch:	Giao dịch khớp lệnh

Các chứng khoán khác | Không có

Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường & xã hội của Công ty

-  Tác động lên môi trường → Không có
-  Quản lý nguồn nguyên vật liệu → Không có
-  Tiêu thụ năng lượng → Không có

Tiêu thụ nước



Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Do hoạt động kinh doanh đặc thù của doanh nghiệp không liên quan đến lĩnh vực sản xuất, lượng tiêu thụ nước của Công ty chủ yếu phục vụ cho các hoạt động vận hành văn phòng. Tổng kinh phí tiêu thụ nước phục vụ cho hoạt động kinh doanh được đơn vị cho thuê văn phòng tính toán và thanh toán hàng tháng theo thực tế sử dụng. Toán bộ Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty luôn đảm bảo tuân thủ việc tiết kiệm nguồn tài nguyên như điện, nước, giấy văn phòng trong hoạt động và công việc tại Công ty, đồng thời có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Không có

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

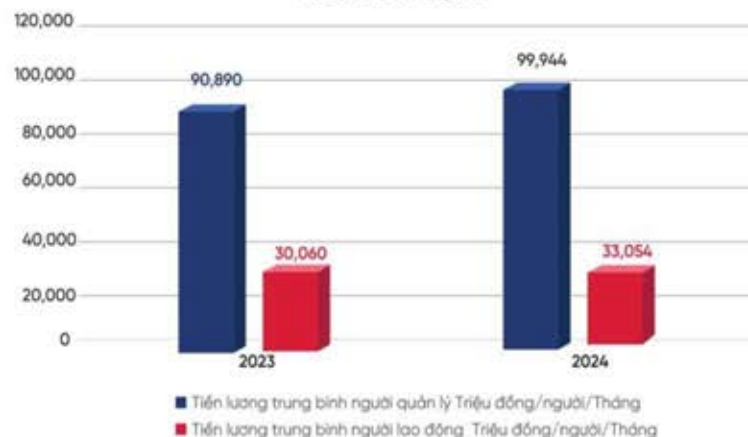
-  Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường → Không có
-  Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường → Không có

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Công ty luôn đảm bảo lợi ích cho người lao động về lương, phụ cấp và các khoản phúc lợi khác, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp. Có thể nói năm 2024 là một năm nhiều biến động, khó khăn của nền kinh tế nói chung và các Công ty chứng khoán nói riêng. Với sự lãnh đạo sáng suốt của Lãnh đạo Công ty và sự đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt, thu nhập bình quân năm 2024 đối với cán bộ nhân viên Công ty đạt: 33,05 triệu đồng/tháng; đối với cán bộ quản lý Công ty đạt: 99,94 triệu đồng/tháng tăng 10% so với năm 2023. Ngoài ra các chính sách về khen thưởng, các chương trình phúc lợi cũng được Công ty thực hiện đầy đủ đối với người lao động, tạo động lực làm việc năng cao vị thế của Công ty, cạnh tranh về thu nhập trên thị trường chứng khoán.

Tiền lương trung bình người quản lý và người lao động



Chính sách lao động nhằm bảo vệ sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Các chương trình phúc lợi, đặc biệt về chăm sóc sức khỏe dành cho cán bộ nhân viên đã và đang được quan tâm đặc biệt nhằm mang lại cho cán bộ nhân viên Công ty những tiện ích tốt nhất trong việc chăm sóc và giữ gìn sức khỏe. Đánh giá tầm quan trọng của chất lượng nguồn nhân lực cả về thể chất, bên cạnh đảm bảo tuân thủ đầy đủ các chính sách của nhà nước về Bảo hiểm y tế (BHYT) theo quy định của Luật lao động, từ 09 năm trở lại đây, Công ty đã áp dụng chính sách bảo hiểm sức khỏe cao cấp dành cho Cán bộ nhân viên và người thân hợp tác cùng Công ty Bảo hiểm VietinBank. Hàng năm, Công ty có chương trình khám sức khỏe định kỳ được áp dụng cho tất cả Cán bộ nhân viên tại các cơ sở khám chữa bệnh có uy tín nhằm đảm bảo tất cả thành viên Công ty đều được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tốt.

Đào tạo người lao động



▶ Năm 2024, hoạt động đào tạo được chú trọng đẩy mạnh về cả công tác đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài. Trong năm 2024, Công ty đã triển khai được 48 khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài, đồng thời đẩy mạnh hoạt động đào tạo tại chúng tôi hành nghề cho cán bộ nhân viên các đơn vị nghiệp vụ. Các khóa đào tạo đã tổ chức được cán bộ Công ty đánh giá cao về tính thực tiễn qua đó góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc.

Đào tạo nội bộ

Trong năm 2024 Công ty đã tổ chức được 28 khóa đào tạo nội bộ bao gồm:

STT	Tên khóa đào tạo	Đơn vị triển khai	STT	Tên khóa đào tạo	Đơn vị triển khai
1	Đào tạo hội nhập cho cán bộ mới	- Phòng Tổ chức và Hành chính - Phòng Nghiên cứu phân tích và Phát triển sản phẩm	15	Đào tạo về sản phẩm tài ưu hóa dòng tiền khách hàng do VietinBank phát hành	- Phòng Kinh Doanh vốn
2	Hướng dẫn thực hiện Công bố thông tin và báo cáo tại Công ty Chứng khoán Công thương	- Phòng Tổ chức và Hành chính - Phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ	16	Quy trình giao dịch trái phiếu chính phủ	
3	Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán đối với hoạt động của Công ty Chứng khoán	- Phòng Quản lý Rủi ro - Phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ	17	Quy trình thực hiện Deal	- Phòng Môi giới và Tư vấn Đầu tư Chi nhánh TP.HCM
4	Tư vấn hỗ trợ đăng ký phát hành trái phiếu chuyển đổi		18	Quy trình mở tài khoản giao dịch Trái phiếu năng lực và xác định tư cách nhà đầu tư chuyên nghiệp	- Phòng Dịch vụ Chứng khoán Chi nhánh TP.HCM
5	Công bố thông tin định kỳ cho Tổ chức Nắm yết và Công ty đại chúng	- Phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp Trụ sở chính	19	Thuế thu nhập cá nhân của người lao động	
6	Tư vấn thoái vốn tại Doanh nghiệp nhà nước, Tổng Công ty		20	Hướng dẫn phân tích mã cổ phiếu	- Chi nhánh Đà Nẵng
7	Quy trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông		21	Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển cá nhân IDP	
8	Tư vấn phát hành cổ phiếu năng lực		22	Chia sẻ kiến thức về điều lệ Công ty hiện hành và quy định về giao dịch với người có liên quan	- Văn phòng Hội đồng Quản trị
9	Ứng dụng nền tảng web mới ReactJS trong phát triển phần mềm	- Phòng Công nghệ Thông tin	23	Quy trình chỉ tiêu nội bộ Công ty	- Phòng Kế toán Tài chính Trụ sở chính
10	Chuyên nghiệp hóa quá trình yêu cầu, giải quyết yêu cầu công nghệ thông tin		24	Nghiệp vụ lưu ký và thực hiện quyền cho người sở hữu	- Phòng Dịch vụ Chứng khoán Trụ sở chính
11	Kỹ năng Phân tích & Đầu tư	- Phòng Nghiên cứu phân tích và Phát triển sản phẩm	25	Xử lý tình huống khách hàng thắc mắc về số dư tiền trong tài khoản, thuế Thu nhập cá nhân	- Phòng Kế toán Tài chính Chi nhánh TP.HCM
12	Đội lệnh hệ thống khớp cặp trong dự án KRX	- Phòng giao dịch Bà Triệu	26	Thực chiến bán hàng	- Phòng Môi giới và Tư vấn Đầu tư Trụ sở chính
13	Giải thiệu nghiệp vụ - Báo lãnh phát hành	- Phòng Tự doanh và Báo lãnh Phát hành	27	Thấu hiểu khách hàng nền tảng của chất lượng dịch vụ	- Trưởng Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực VietinBank
14	Nghiệp vụ vay vốn nước ngoài	- Phòng Kinh Doanh vốn	28	Chương trình đào tạo kỹ năng quản lý dành cho Trưởng phó phòng chi nhánh/Đơn vị sự nghiệp	

▶ Bên cạnh đó, trong năm 2024, Công ty đã có 05 cán bộ tham dự chương trình chương trình: "Nhận diện nhân tài tiềm năng VietinBank Top 500" do VietinBank tổ chức đồng thời phòng Tổ chức và Hành chính cũng đã phối hợp cùng bà Nguyễn Thị Thu Hằng – chuyên gia cố vấn đào tạo tại Công ty tổ chức nhiều buổi cố vấn, chia sẻ dành cho Top 15 Hào và đội ngũ cán bộ Lãnh đạo cấp trung của Công ty.

Đào tạo bên ngoài

Trong năm 2024 Công ty đã tổ chức, cử cán bộ tham dự 20 khóa đào tạo bên ngoài bao gồm:

STT	Khóa đào tạo	Đối tượng tham dự	STT	Khóa đào tạo	Đối tượng tham dự
1	Chứng chỉ FRIS		11	Kỹ năng làm việc hiệu quả	
	Bồi dưỡng kiến thức về luật đầu thầu mới		12	Thế điểm cân bằng BSC KPI OKR	- Cán bộ phòng Tổ chức và Hành chính
2	Giải phẫu rủi ro kế khai, quyết toán thuế và giải đáp vướng mắc giao dịch liên kết	- Cán bộ phòng Kế toán Tài chính Trụ sở chính	13	Tin học văn phòng nâng cao	
3	Giải phẫu rủi ro kế khai, quyết toán thuế và giải đáp vướng mắc giao dịch liên kết		14	Kỹ năng làm Slide	- Cán bộ phòng Nghiên cứu Phân tích và Phát triển Sản phẩm
4	Bán hàng trên nền tảng số		15	Phong thái thanh lịch	- Cán bộ toàn Công ty
5	Kỹ năng bán hàng nâng cao		16	Phân tích đầu tư định lượng	- Cán bộ cán phòng Tự doanh và Báo lãnh phát hành
6	Phát triển kỹ năng giao tiếp và xây dựng mối quan hệ	- Cán bộ các đơn vị kinh doanh tại Công ty	17	Quản lý Danh mục đầu tư	
7	Tư vấn và chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp		18	Phân tích ngành và dòng tiền thị trường	- Cán bộ phòng Quản lý rủi ro và Phòng Giao dịch Bà Triệu
8	Lập, triển khai và giám sát kế hoạch bán hàng		19	Quản lý đất đai 2024	- Cán bộ phòng Quản lý rủi ro và Phòng Tự doanh và Báo lãnh phát hành
9	Giao việc và quản lý giám sát công việc hiệu quả	- Cán bộ quản lý phòng Dịch vụ Chứng khoán Trụ sở chính	20	Các khóa đào tạo tại Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	- 25 cán bộ nghiệp vụ tại Công ty
10	Phân tích và xây dựng dòng tiền doanh nghiệp	- Cán bộ phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp Trụ sở chính			

▶ Hoạt động quản lý chất lượng dịch vụ, giám sát việc thực hiện quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: Năm 2024 hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng được chú trọng thực hiện nghiêm túc, bộ phận giám sát đã tiến hành việc kiểm tra và nhắc nhở thường xuyên nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty được thực hiện và tuân thủ theo đúng các quy định của nhà nước, pháp luật mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất. 100% cán bộ, nhân viên hành nghề chứng khoán tại VietinBank Securities có chứng chỉ hành nghề do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2024, thông qua hoạt động của Ban chấp hành Đoàn thanh niên, Công ty đã tổ chức và tham gia chuỗi các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội, cụ thể:

Hội chợ xuân 0 đồng năm 2024

Công ty đã phối hợp cùng Bệnh viện Chăm cứu Trung ương, (Hà Nội) tổ chức Hội chợ xuân 0 đồng năm 2024 nhân dịp Tết Nguyên Đán, qua đó trao những phần quà Tết tới tận tay những người bệnh và gia đình người bệnh đang điều trị tại Bệnh viện.



Chương trình "Nối cháo tình thương"

Trong tháng 2/2024, VietinBank Securities đồng hành cùng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thực hiện chương trình "Nối cháo tình thương" - Tài trợ bữa cháo sáng cho các bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn đang thăm khám và điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương từ 6h-7h30 các ngày trong năm (trừ ngày Lễ, Tết).



Chương trình "Hành trình về nguồn"

Tổ chức chương trình "Hành trình về nguồn", đồng hương tưởng niệm tại Thành cổ Quảng Trị và Khu du lịch Quốc gia độc biệt Nghĩa trang Trường Sơn. Đây là hoạt động thường niên của Công ty nhằm tưởng nhớ công lao, sự hi sinh to lớn của thế hệ cha anh đi trước, đồng thời củng cố tầm lòng cố tằm lòng ái quốc và thôi thúc tinh thần xây dựng bảo vệ Tổ quốc của mỗi CBNV VietinBank Securities.



"VietinBank - Trao giọt máu hồng, sẻ chia sự sống"

Tham gia hiến máu tại ngày hội "VietinBank - Trao giọt máu hồng, sẻ chia sự sống" do VietinBank phối hợp với Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương tổ chức tại Cung thể thao Quấn ngựa Ba Đình.



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường
vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*
- *Tình hình tài chính*
- *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*
- *Kế hoạch phát triển trong tương lai*
- *Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán*
- *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty*



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2024, VietinBank Securities ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.032 tỷ đồng, giảm 9,79% so với năm 2023. Trong đó, lợi từ hoạt động tự doanh tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu với tỷ lệ 55,82%; tương ứng với giá trị đạt khoảng 576 tỷ đồng. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán cũng ghi nhận giá trị khoảng 320 tỷ đồng, tăng trưởng 26,15% so với năm 2023. Hoạt động môi giới cũng ghi nhận tín hiệu tích cực khi ghi nhận doanh thu khoảng 105 tỷ đồng, tăng trưởng 4,82% so với cùng kỳ. Các kết quả trên diễn ra trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2024 có diễn biến thuận lợi hơn các giai đoạn trước đó nhờ Ngân hàng Nhà nước thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt để giữ ổn định tỷ giá và duy trì một bảng lãi suất ở mức thấp.

Nhờ việc quản lý hiệu quả các chi phí từ hoạt động tự doanh, VietinBank Securities đã đạt được 287 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế - 102,56% kế hoạch (280 tỷ đồng), vượt kế hoạch năm 2024 để ra.

Thông tin chi tiết về hoạt động các mảng kinh doanh của VietinBank Securities trong năm 2024 như sau:



320
Tỷ đồng
Doanh thu từ hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán
↑ 26,15%



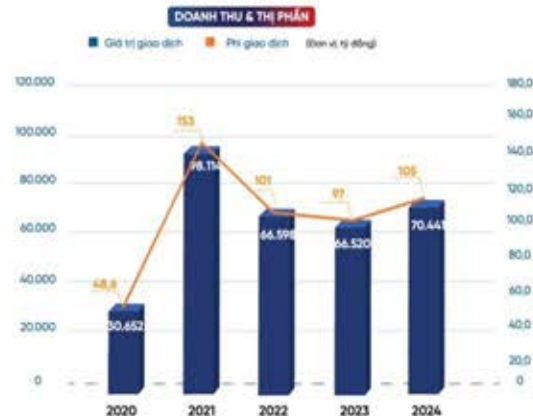
105
Tỷ đồng
Hoạt động môi giới
↑ 4,82%



287
Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế
vượt kế
102,56%

Hoạt động môi giới chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

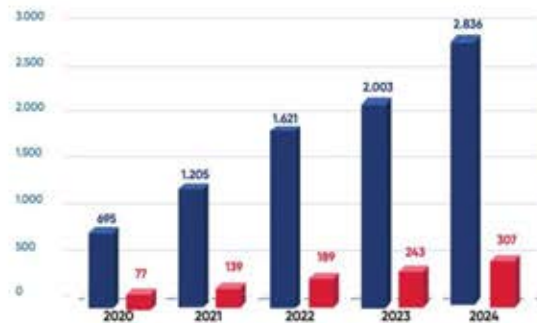


Năm 2024, Công ty đã nỗ lực và tích cực đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán. Giá trị giao dịch toàn Công ty đạt 70.441 tỷ đồng, doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới toàn Công ty đạt 105 tỷ đồng, tăng lần lượt 5,9% và 8,24% so với năm 2023.

Thị phần giao dịch của Công ty tính chung cả năm 2024 giảm nhẹ từ mức 0,76% (năm 2023) xuống 0,67%, tương ứng tỷ lệ giảm 11,85% so với năm 2023.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Giá trị giao dịch	30.652	98.114	66.598	66.520	70.441
2	Phí giao dịch	48,6	153	101	97	105
3	Thị phần giao dịch	0,82%	0,73%	0,67%	0,76%	0,67%

DƯ NỢ MARGIN, LÃI MARGIN



Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (Margin) tiếp tục được chú trọng và đẩy mạnh. Trong năm 2024, Công ty mở rộng quy mô hoạt động cho vay margin thông qua việc duy trì và đẩy mạnh dư nợ khách hàng vay ký quỹ của nhóm khách hàng hiện tại, đồng thời tìm kiếm và phát triển khách hàng mới, đặc biệt là nhóm khách hàng vay ký quỹ với dư nợ lớn, có nhiều tài sản đảm bảo.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Dư nợ margin bình quân	695	1.205	1.621	2.003	2.836
2	Lãi margin	77	139	189	243	307

Dư nợ Margin trong năm 2024 đã có bước nhảy vọt so với năm 2023. Dư nợ Margin bình quân của Công ty năm 2024 là 2.836 tỷ đồng, tăng 41,58% so với năm 2023. Dư nợ Margin cuối năm 2024 toàn Công ty ghi nhận 3.193,557 tỷ đồng, tăng 17,31% so với cùng kỳ. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, dư nợ Margin của Công ty vượt mức 3.000 tỷ đồng. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đáp ứng về giới hạn Dư nợ Margin không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu theo Thông tư hướng dẫn Giao dịch ký quỹ chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Doanh thu lãi Margin trong năm 2024 của Công ty là 307 tỷ đồng tăng 26,33% so với năm 2023.

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số lượng mở mới TKGD thông thường	2.683	6.256	3.492	2.496	5.227
2	Số lượng mở mới TKGD Margin	310	724	712	795	517
3	TK Active	10.184	17.123	14.776	12.245	13.343

Năm 2024, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường được mở mới của Công ty ghi nhận 5.227 tài khoản, tăng mạnh 109,42% so với năm 2023, tổng cộng số lượng tài khoản có giao dịch thực tế trong năm 2024 là 13.343 tài khoản, tăng 8,96% so với con số 12.245 tài khoản có giao dịch của năm 2023. Tuy nhiên số lượng tài khoản margin mở mới của nhà đầu tư năm 2024 là 517 tài khoản (trong đó: 505 cá nhân và 12 tổ chức) giảm 35% so với năm 2023.

Chiến lược đã thực hiện



- Thế giới đang chứng kiến sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) - một bước tiến mang tính cách mạng, định hình tương lai về công nghệ của nhân loại. Đặc biệt trong năm 2024, dấu ấn này trở nên rõ nét hơn bao giờ hết. Nhận biết được xu hướng này, Công ty đã tập trung đầu tư công nghệ, nâng cấp phần mềm để hoàn thiện hệ thống định danh điện tử, nhờ vậy, khách hàng có thể mở tài khoản chứng khoán online theo hình thức eKYC bán tự động.
- eKYC - định danh điện tử là hoạt động tạo lập, gắn danh tính số với chủ thể danh tính số và quản lý danh tính số. Với sự phát triển của công nghệ, quy trình thu thập thông tin của khách hàng sẽ được đơn giản hóa. Hình thức eKYC đã được chấp nhận và ngày càng trở nên phổ biến tại các nước trên thế giới tại nhiều lĩnh vực. Thay vì phải gặp mặt trực tiếp kèm theo rất nhiều thủ tục giấy tờ liên quan để định danh, với sự ra đời của giải pháp eKYC, Công ty có thể xác thực danh tính khách hàng hoàn toàn trực tiếp trên ứng dụng di động và chỉ mất khoảng từ 3-5 phút để nhà đầu tư có thể hoàn thành quy trình mở tài khoản chứng khoán tự động và giao dịch được ngay trong ngày. eKYC có thể được xem như bước đột phá trong lĩnh vực tài chính.
- Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường được mở mới trong năm 2024 của Công ty ghi nhận 5.227 tài khoản, tăng mạnh 109,42% so với năm 2023. Trong năm 2024, Phòng Môi Giới tiếp tục bám sát chiến lược trung hạn đã đề ra là đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán, với ưu tiên hàng đầu là mục tiêu tăng trưởng Doanh thu và Thị phần.

NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Mỗi giây xác định khách hàng là trọng tâm trong việc phát triển chiến lược và chính sách kinh doanh. Năm 2024, môi giới đã chủ động bắt kịp xu thế vận hành của thị trường để tìm hiểu nhu cầu, hành vi của khách hàng tạo nên sự tăng trưởng cho Khối Môi giới. Bên cạnh đó, áp dụng linh hoạt chính sách/dịch vụ cho từng nhóm phân khúc khách hàng và tiếp tục khai thác đối tượng khách hàng giao dịch VIP.

Với việc xác định hoạt động tư vấn đầu tư là một trong những hoạt động mang tính cốt lõi của môi giới, Phòng Môi giới & Tư vấn đầu tư luôn kết hợp với Phòng Nghiên cứu phân tích & Phát triển sản phẩm đưa ra những sản phẩm phân tích tốt hơn và mang tính thực tiễn. Việc lập các room tư vấn, khuyến nghị Nhà đầu tư theo dõi và giao dịch bám sát với diễn biến của thị trường cũng đem lại rất nhiều hiệu quả tích cực từ phía Nhà đầu tư tới với CTS.

CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI LINH HOẠT

Tăng cường xây dựng, cập nhật các chương trình khuyến mãi, chính sách ưu đãi, chính sách lãi suất ưu đãi; thiết kế các sản phẩm dịch vụ có tính xu hướng, linh hoạt phù hợp với từng đối tượng khách hàng, từng khu vực khách hàng nhằm hút khách hàng giao dịch gia tăng thị phần. Công ty đã triển khai chương trình mở tài khoản chứng khoán số đẹp và tiếp tục triển khai các chương trình lãi suất margin hấp dẫn "Miễn lãi T+", "Vay nhiều - Giảm lãi", "Miễn phí giao dịch" cho KH liên kết tài khoản thanh toán VietinBank Ipay, "Ưu đãi kép miễn phí giao dịch & lãi margin thấp" cho KH mở mới eKYC, "Giao dịch nhận quà - Du lịch thả ga", "Tặng Voucher Du lịch cho CBNV VietinBank"...

ĐA DẠNG SẢN PHẨM CHO VAY GIAO DỊCH KỶ QUÝ

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cho vay giao dịch kỷ quý thông qua việc duy trì và gia tăng dư nợ đối với các nhóm khách hàng hiện tại; tìm kiếm, sàng lọc và phát triển nhóm khách hàng Deal mới, đồng thời đẩy mạnh dư nợ cho vay giao dịch từ nhóm khách hàng Mass tại Công ty.



ƯU TIÊN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ

Ưu tiên đầu tư công nghệ bao gồm đầu tư nền tảng giao dịch trên MobileTrading, WebTrading ứng dụng công nghệ AI nhằm mang tới những trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng; nâng cao chất lượng, gia tăng tần suất tư vấn, khuyến nghị, bản tin và các báo cáo phân tích nhằm gia tăng hiệu quả đầu tư cho khách hàng.

PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG ĐỘI NGŨ CỘNG TÁC VIÊN

Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng chính sách phí Công tác viên linh hoạt, có tính cạnh tranh để thu hút và phát triển các cộng tác viên chất lượng, thiện chí, có khả năng phát triển khách hàng lớn.

KHAI THÁC TỐI ĐA HỆ SINH THÁI NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Để phát triển khách hàng là khách hàng nội bộ và khách hàng của VietinBank; tăng cường hợp tác, hợp tác với Khối bán lẻ và Chi nhánh VietinBank để đào tạo, truyền thông về sản phẩm dịch vụ của Công ty nhằm gia tăng tính hiệu quả bán chéo sản phẩm trong hệ sinh thái.



Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Hoạt động tư vấn Tài chính doanh nghiệp tiếp tục giữ vững sự ổn định và mang lại nhiều giá trị trong năm 2024. Kết thúc năm 2024, Doanh thu ghi nhận từ hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt gần 8.865 triệu đồng, tăng 60,19% so với năm 2023 và doanh thu từ hoạt động đại lý phát hành trái phiếu đạt gần 1.120 triệu đồng. Trải qua một năm đầy khó khăn, Công ty vẫn tiếp tục nỗ lực không ngừng trong việc duy trì và phát triển mạng lưới khách hàng khi đã ký mới được 56 hợp đồng tư vấn truyền thống và tư vấn phát hành trái phiếu, số hợp đồng hoàn thành là 27 hợp đồng. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ bền vững và ký kết nhiều hợp đồng có giá trị với các Tập đoàn, Tổng công ty lớn như Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama), Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD), Tổng công ty xi măng Việt Nam (Vicem).... tạo tiền đề để phát triển và gặt hái thành quả cho những năm tiếp theo.

Đối với hoạt động tư vấn truyền thống: Các mảng dịch vụ tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán cổ phiếu ra công chúng, tài cấu trúc doanh nghiệp và tư vấn chuyển nhượng vốn trong năm 2024 vẫn giữ được mức tăng trưởng ổn định, tạo dựng được uy tín, tên tuổi trên thị trường và là một điểm sáng tiến bản đồ tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty. Kết thúc năm 2024, mảng Tư vấn truyền thống đã ghi nhận 2.417 triệu đồng doanh thu, số lượng khách hàng tăng 20% so với cùng kỳ năm trước cho thấy tín hiệu khả quan đối với mảng dịch vụ vốn đi luân đổi hải kinh nghiệm và chuyên môn cao trong lĩnh vực tư vấn để tạo dựng được sự tin tưởng từ các khách hàng là những Tập đoàn, Tổng Công ty hàng đầu tại Việt Nam. Đối với mảng tư vấn M&A cũng được Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng phát triển và đã có những tín hiệu tích cực, số lượng khách hàng trong và ngoài nước tìm đến VietinBank Securities ghi nhận tăng lên, mở ra nhiều cơ hội phát triển trong năm 2025.

Đối với mảng tư vấn phát hành trái phiếu: Năm 2024, hoạt động tư vấn chào bán trái phiếu ra công chúng, trái phiếu chuyển đổi cũng như phát hành trái phiếu riêng lẻ của Công ty Chứng khoán Công Thương vẫn tiếp tục phát triển khả năng mẽ. Tuy nhiên, Luật Chứng khoán mới cũng đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi các công ty chứng khoán phải thích ứng nhanh chóng để đảm bảo tuân thủ quy định và duy trì sức cạnh tranh trên thị trường. Với sự điều chỉnh này, các công ty chứng khoán có thể tận dụng cơ hội từ những thay đổi trên để nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng thị phần do xu hướng phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã có sự phân hóa, tập trung vào các doanh nghiệp có nền tảng tài chính vững mạnh và minh bạch cao. Bên cạnh đó, với lợi thế là công ty chứng khoán hoạt động lâu năm trên TICKET cùng với sự song hành của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và hệ sinh thái VietinBank, VietinBank Securities nỗ lực và hoạt động Tư vấn TCDN nói riêng luôn hướng tới chất lượng dịch vụ, uy tín, luôn đưa ra các giải pháp mang tính toàn diện cho Doanh nghiệp phát hành trái phiếu qua việc tìm kiếm khách hàng và những dịch vụ gia tăng đi kèm. Kết quả, hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu đã mang lại 6.448 triệu đồng doanh thu, tăng hơn 16,5% so với năm 2023, thương hiệu VietinBank Securities ngày càng được khẳng định và là sự lựa chọn ưu tiên của các Doanh nghiệp lớn tại Việt Nam.

Những con số trên chưa thể phản ánh hết những giá trị mà hoạt động tư vấn mang lại bởi năm 2024 là một năm khó khăn đối với hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty, khi môi trường kinh tế và các thay đổi pháp lý tạo ra những tác động lớn đến các dịch vụ cốt lõi. Trong đó, hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu từng đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu, nay gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng.

Nguyên nhân chủ yếu là do niềm tin của nhà đầu tư bị suy giảm trước tình trạng nhiều tổ chức phát hành chưa thể thanh toán đầy đủ gốc và lãi trái phiếu. Bên cạnh đó, việc siết chặt các quy định pháp lý như Nghị định 45/2022/NĐ-CP, Nghị định 08/2023/NĐ-CP, Luật số 56/2024/QH15 và các thông tư mới đã giúp thị trường trở nên minh bạch hơn, nhưng cũng làm giảm sức hấp dẫn của trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ vốn là một trong những kênh huy động vốn hiệu quả trong những năm trước đây. Đòi hỏi mảng tư vấn truyền thống, những thay đổi của Luật Chứng khoán cũng các quy định chưa đồng bộ tiếp tục gây ra nhiều vướng mắc, ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành hợp đồng và ghi nhận doanh thu. Ngoài ra, sự chậm trễ trong việc phê duyệt phương án tài cơ cấu doanh nghiệp cũng làm trì hoãn hoạt động tư vấn chuyển nhượng vốn Nhà nước, một trong những mảng quan trọng của Công ty.

Dù vậy, với nền tảng vững chắc, kinh nghiệm lâu năm và năng lực chuyên môn cao, Công ty vẫn đạt được những kết quả đáng khích lệ, tạo tiền đề ghi nhận doanh thu cho các mảng Tự doanh, Môi giới chứng khoán thông qua các hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, cho vay kỳ quỹ... Trước bối cảnh thị trường biến động, Công ty không chỉ tập trung thích nghi với các quy định pháp lý mới mà còn thúc đẩy chiến lược đa dạng hóa dịch vụ, đẩy mạnh bán chéo sản phẩm trong hệ sinh thái VietinBank nhằm mở rộng tệp khách hàng, đồng thời, Công ty tiếp tục ưu tiên việc xây dựng uy tín và nâng cao chất lượng dịch vụ, dựa trên nền tảng am hiểu sâu sắc về thị trường và khung pháp lý. Đây sẽ là những yếu tố quan trọng giúp VietinBank Securities củng cố vị thế và tạo đà tăng trưởng bền vững trong những năm tới.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Năm 2024, mảng Tự doanh và Bảo lãnh phát hành (BLPH) của VietinBank Securities tiếp tục khẳng định vị thế với chiến lược đầu tư linh hoạt, tận dụng hiệu quả cơ hội trên thị trường để tối ưu danh mục và nâng cao chất lượng tài sản.



Trong năm, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ đạt 391,77 tỷ đồng, giảm 26,6% so với cùng kỳ năm trước. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán đạt 162,4 tỷ đồng, giảm 40,5%. Mặc dù các chỉ tiêu này sụt giảm, nhưng chất lượng danh mục đầu tư đã được cải thiện đáng kể. Cụ thể, mức chênh lệch (tăng, giảm) đánh giá lại tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ đã giảm mạnh, chỉ còn -14,33 tỷ đồng, so với -108,22 tỷ đồng của năm trước. Điều này phản ánh hiệu quả của Công ty trong việc kiểm soát rủi ro và tối ưu hóa danh mục đầu tư.

CHỀNH LỆCH LÃI/LỠ TỪ CÁC TSTC GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỠ (2020-2024)



Năm 2024, hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của Công ty Chứng khoán Công Thương tiếp tục duy trì mở rộng khi thực hiện đầu tư mới 450 tỷ đồng (tăng 12,5% so với năm 2023), giá trị thu nợ gốc năm 2024 đạt 596,6 tỷ đồng, tổng giá trị danh mục tại 31/12/2024 đạt 725,3 tỷ đồng (tăng 46,4% so với đầu năm). Tổng tiền lãi trái phiếu ghi nhận năm 2024 là 62,12 tỷ đồng, thu nhập khác từ hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp đạt 2,32 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh vốn

- Năm 2024 ghi nhận nhiều diễn biến khó lường từ thị trường tài chính quốc tế, với những sự kiện lớn như ông Donald Trump đắc cử tổng thống với quan điểm bảo hộ thương mại, hay căng thẳng địa chính trị leo thang tại khu vực Trung Đông, bán đảo Triều Tiên, chiến tranh giữa Nga - Ukraine, đã khiến dòng tiền có xu hướng tìm đến kênh trú ẩn an toàn như USD, vàng; tạo áp lực rất lớn lên tỷ giá USD/VND. Tỷ giá đã tăng mạnh, kéo dài trong nhiều giai đoạn, ảnh hưởng tới khả năng điều hành lãi suất của NHNN. Cộng hưởng thêm từ thị trường tài chính quốc tế và môi trường lãi suất, tỷ giá trong nước tiềm tàng nhiều rủi ro, phòng Kinh doanh vốn chủ động tìm kiếm, đa dạng hóa các nguồn vay lãi suất ổn định, hợp lý thông qua đàm phán mở rộng quan hệ với các Ngân hàng, tổ chức tín dụng, định chế tài chính trong và ngoài nước, đồng thời đảm bảo thanh khoản của Công ty tại mọi thời điểm, đáp ứng toàn bộ nhu cầu sử dụng vốn cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty. Tổng hạn mức tín dụng, vay vốn và bảo lãnh được cấp đến 31/12/2024 quy đổi ra VND là 23.488 tỷ đồng trong đó hạn mức tín chấp đạt 16.255 tỷ đồng, tương đương 70% tổng giá trị hạn mức được cấp. Hạn mức tín dụng đã tăng lên cả về chất và lượng. "Vững vàng nền tảng thanh khoản" là nhiệm vụ trọng tâm của Phòng Kinh doanh vốn, là tiền đề trọng yếu để Công ty vươn mình, mở rộng các hoạt động kinh doanh trọng yếu.
- Bên cạnh đó, Phòng Kinh doanh vốn luôn đổi mới, tìm kiếm các cấu trúc kinh doanh mới, góp phần đưa Công ty "vươn tầm cao", xứng đáng là một thành viên quan trọng trong hệ sinh thái VietinBank. Cụ thể, các cơ hội đầu tư Hợp đồng tiền gửi, Chứng chỉ tiền gửi và kinh doanh các giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng luôn được tìm kiếm, chọn lọc, đảm bảo cân đối giữa hiệu quả và rủi ro. Các khoản đầu tư, kinh doanh này cũng mang lại cho Phòng Kinh doanh lợi nhuận là 49,5 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư Trái phiếu Chính phủ cũng mang lại cho Phòng Kinh doanh vốn khoản doanh thu chênh lệch giá mua/bán đạt 6,5 tỷ đồng, đóng góp chung vào hoạt động kinh doanh toàn Công ty. Ngoài ra, Phòng Kinh doanh vốn trong năm 2024 đã phối hợp cùng các phòng/ban trong Công ty tổ chức đào tạo, phối hợp với các chi nhánh ngân hàng Công Thương Việt Nam nhằm khai thác các sản phẩm thu nhập cố định, nhằm tối ưu hóa dòng tiền cho khách hàng, nâng cao hình ảnh của Công ty cổ phần chứng khoán Công Thương trên thị trường tài chính Việt Nam.

Công tác quản trị rủi ro

Song song với các hoạt động kinh doanh, hoạt động Quản trị rủi ro luôn được Ban Lãnh đạo chú trọng: Năm 2024, Công ty đã thực hiện các hoạt động giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và Pháp luật có liên quan. Công tác quản trị rủi ro luôn được xem xét song hành cùng hoạt động kinh doanh, thực hiện phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn và đưa các cảnh báo rủi ro, giúp VietinBank Securities hạn chế tối đa các tổn thất trong hoạt động kinh doanh. Trong các cuộc họp định kỳ hàng tháng/quý/năm hoặc các các công việc đột xuất, Ban Lãnh đạo cùng các tuyến kiểm soát rủi ro thường xuyên đánh giá các rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn, cho vay giao dịch kỳ quỹ, các khoản nợ đến hạn/quá hạn, rủi ro trong giao dịch/tác nghiệp, rủi ro trong các sản phẩm, dịch vụ dự kiến triển khai... để đưa ra các cảnh báo, biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả.

Quản lý công tác tổ chức, lao động tiền lương

Trong năm 2024 Công ty tiếp tục thực hiện tốt chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, bổ nhiệm, điều động luân chuyển cán bộ nội bộ nhằm bổ sung, xây dựng và kiện toàn cơ cấu nhân sự cho hoạt động của các phòng/ban. Triển khai chương trình phát triển đội ngũ Nhân sự lõi (Keystaff) nhằm đào tạo phát triển năng cao năng lực lõi của bản thân và năng lực lãnh đạo của cán bộ.

Cơ chế tiền lương của Công ty vẫn tiếp tục thực hiện theo kết quả đánh giá KPIs, đảm bảo đánh giá đúng năng lực, đóng góp của cán bộ, nhân viên vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Mức lương năm 2024 đảm bảo đời sống của cán bộ, nhân viên Công ty và cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân người lao động có năng lực và kinh nghiệm, tạo nền tảng phát triển vững mạnh cho Công ty hiện tại và tương lai.



Công tác an sinh xã hội

Trong năm 2024, VietinBank Securities tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm xã hội, tích cực tham gia và triển khai nhiều hoạt động thiết thực trong lĩnh vực từ thiện và an sinh xã hội. Công ty luôn xác định rằng bên cạnh nhiệm vụ phát triển kinh doanh bền vững, việc đóng góp cho cộng đồng là một phần quan trọng trong sứ mệnh của mình.

CHƯƠNG TRÌNH "HỘI CHỢ XUÂN Ở ĐỒNG"

Với mong muốn đem lại hương vị ngày Tết, đồng viên và sẻ chia với những người bệnh và gia đình, Công ty đã phối hợp cùng Bệnh viện Chăm sóc Trung ương Hà Nội tổ chức "Hội chợ Xuân Ở Đồng" năm 2024. Qua đó, VietinBank Securities đã trao nhiều phần quà Tết tại tận tay những người bệnh và gia đình đang điều trị tại Bệnh viện. Năm 2024 đánh dấu lần thứ hai VietinBank Securities tham gia chương trình với vai trò đơn vị tài trợ. Công ty luôn mong muốn đồng hành và đóng góp một phần nhỏ vào các hoạt động thiện nguyện có ý nghĩa, góp phần lan tỏa tinh thần nhân ái và trách nhiệm với cộng đồng.

CHƯƠNG TRÌNH "NỖI CHĂU TINH THƯƠNG"

Trong tháng 02/2024, VietinBank Securities đồng hành cùng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thực hiện chương trình "Nỗi Châu Tinh Thương". Chương trình mang đến những bữa sáng ấm nóng, đầy đủ dinh dưỡng cho các bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn đang thăm khám và điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương. Hoạt động này diễn ra xuyên suốt từ 6:30 - 7:00 các ngày trong năm (ngoại trừ dịp lễ, Tết), thể hiện cam kết lâu dài của VietinBank Securities trong việc đồng hành cùng cộng đồng và lan tỏa tinh thần tương thân tương ái. VietinBank Securities hy vọng rằng, thông qua chương trình này, các em nhỏ sẽ được tiếp thêm nghị lực để vượt qua khó khăn và sớm trở lại với cuộc sống vui khỏe.

CHƯƠNG TRÌNH "VŨ NGUỒN 2024"

Tháng 03/2024, Huân Ứng chủ trương của Đoàn Thanh niên Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam về việc triển khai chương trình "Vũ Nguồn 2024" và phát động Tháng Thanh niên, VietinBank Securities Chi nhánh Đà Nẵng đã tổ chức hành trình và nghĩa địa Thành cổ Quảng Trị và Khu di tích Quốc gia đặc biệt Nghĩa trang Trường Sơn. Đây là hoạt động thường niên của Công ty nhằm tri ân công lao và sự hy sinh to lớn của các thế hệ cha anh, những người đã cống hiến tuổi trẻ và xương máu vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Đứng giữa những chứng tích lịch sử, mỗi cán bộ nhân viên VietinBank Securities không chỉ bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc mà còn hun đúc thêm tinh yêu nước, ý chí phấn đấu và tinh thần trách nhiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hôm nay. Hành trình về nguồn không chỉ là dịp để tưởng nhớ quá khứ mà còn là nguồn động lực mạnh mẽ, nhắc nhở mỗi cán bộ nhân viên VietinBank Securities về giá trị của hòa bình, tự do và trách nhiệm tiếp nối những di sản quý báu của dân tộc.

Chương trình

"Góp một ngày lương - chào mừng kỷ niệm 75 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ"

Huân tãi các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng, cán bộ đoàn viên công đoàn đã tham gia ủng hộ đóng góp 01 ngày lương để tổ chức các hoạt động an sinh xã hội chào mừng kỷ niệm 75 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và các sự kiện lịch sử quan trọng do Công đoàn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát động.

Chương trình "Quyên góp một ngày lương Ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão Yagi"

Tháng 09/2024, các tỉnh miền Bắc phải gánh chịu thiệt hại nặng nề do cơn bão số 3 (Yagi) - một trong những cơn bão lịch sử đổ bộ vào khu vực. Nhằm chung tay hỗ trợ người dân vùng lũ vượt qua khó khăn, toàn thể cán bộ nhân viên VietinBank Securities cùng hệ thống Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã phát động chương trình "Quyên góp một ngày lương - Ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão Yagi" thể hiện tinh thần tương thân tương ái và sẻ chia với đồng bào bị ảnh hưởng. Hoạt động này không chỉ là sự hỗ trợ thiết thực về vật chất mà còn lan tỏa giá trị nhân văn, tiếp thêm động lực để người dân vùng bão nhanh chóng khắc phục hậu quả, ổn định cuộc sống.

Chương trình Hiến máu tự nguyện

"Trao giọt máu hồng, sẻ chia sự sống"

Tháng 10/2024, cán bộ nhân viên VietinBank Securities đã tích cực hưởng ứng Ngày hội Hiến máu "Trao giọt máu hồng, sẻ chia sự sống", do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phối hợp cùng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương tổ chức tại Cung Thể thao Quần Ngựa (Hà Nội). Chương trình thu hút sự tham gia đông đảo của cán bộ nhân viên VietinBank Securities, tạo nên một ngày hội ý nghĩa, lan tỏa tinh thần nhân ái và sẻ chia. Mỗi giọt máu trao đi không chỉ giúp cứu sống những bệnh nhân kém may mắn mà còn thể hiện trách nhiệm cộng đồng sâu sắc của VietinBank Securities. Một hành động nhỏ nhưng mang lại giá trị lớn, tiếp thêm hy vọng và sự sống cho những người đang cần giúp đỡ.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

(Đơn vị: triệu đồng)

	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ lệ % năm 2024 so với 2023
I	Tổng tài sản	8.457.053	8.698.122	102,85%
A	Tài sản ngắn hạn	8.346.416	8.598.347	103,02%
1	Tài sản tài chính	8.336.785	8.590.786	103,05%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	424.853	300.234	70,67%
+	Tiền	424.853	300.234	70,67%
+	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
1.2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.588.534	4.961.890	108,14%
+	Đầu tư tiền gửi trên 03 tháng	2.110.611	1.708.532	80,95%
+	Cổ phiếu chưa niêm yết	307.119	325.782	106,08%
+	Trái phiếu chưa niêm yết	494.600	725.314	146,65%
+	Cổ phiếu niêm yết	882.569	950.314	107,68%
+	Trái phiếu niêm yết	285.486	623.734	218,48%
+	Đầu tư ngắn hạn khác	508.149	628.213	123,63%
1.3	Các khoản cho vay	2.776.803	3.241.314	116,73%
1.4	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	-4.810	-4.810	100,00%
1.5	Tài sản tài chính ngắn hạn khác	551.406	92.159	16,71%
	Trong đó:			
+	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-16.265	-671	4,13%
2	Tài sản ngắn hạn khác	9.631	7.561	78,50%
B	Tài sản dài hạn	110.637	99.775	90,18%

► Tổng tài sản cuối năm 2024 tăng nhẹ so với năm 2023 (bằng 102,85%), trong đó: Tài sản ngắn hạn đạt 8.598 tỷ đồng (cao hơn 3,02% so với năm 2023), Tài sản dài hạn đạt 99.775 tỷ đồng, giảm 9,82% so với năm 2023.

Tài sản tài chính (không gồm tiền và tương đương tiền) vẫn luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2024 của Công ty (96,42%), trong đó chủ yếu là Đầu tư tài chính ngắn hạn: 4.962 tỷ đồng (chiếm 57,71% tài sản ngắn hạn), bằng 108,14% so với năm 2023. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn dưới 3 tháng là 2.337 tỷ đồng; tự doanh khoảng 1.269 tỷ đồng vào cổ phiếu (trong đó có 74% là cổ phiếu niêm yết và tập trung vào các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng cao như VSC, EIB, PVS, VPS) và 1.349 tỷ đồng vào trái phiếu, với gần 54% là trái phiếu chưa niêm yết. Chiếm tỷ trọng cao thứ hai là các khoản cho vay, bao gồm cho vay margin và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán, với giá trị ghi nhận đạt mức 3.241 tỷ đồng, tăng khoảng 464 tỷ đồng so với năm trước, tương ứng với mức tăng 16,73%. Tiền và các khoản tương đương tiền đạt hơn 300 tỷ đồng, giảm 29,33% so với năm trước và chủ yếu là tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay (gồm cho vay margin và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán) tại 31/12/2024 đạt mức 3.241 tỷ đồng (chiếm 37,0% tài sản ngắn hạn). Như vậy dư nợ cho vay của Công ty năm 2024 tăng so với năm 2023 bằng 16,73%.

Tài sản tài chính ngắn hạn khác của Công ty tại 31/12/2024 là 92.159 tỷ đồng, bằng 16,71% so với cuối năm 2023, trong đó giảm chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn tại 31/12/2023 là 560 tỷ đồng, trong khi đó tại ngày 31/12/2024 là 86 tỷ đồng đến từ khoản thu hồi các khoản phải thu trái phiếu chưa niêm yết đã đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tình hình nợ phải trả

Tính đến 31/12/2024, tổng dư nợ ngắn hạn của Công ty là 6.331 tỷ đồng (bằng 101,20% so với cuối năm 2023), dư nợ bằng VND đạt 6.331 tỷ đồng, dư nợ bằng USD là 0 USD. Trong đó, các khoản nợ vay tài chính này đều phát sinh với các ngân hàng có mối quan hệ tin cậy tốt với Vietinbank Securities như Ngân hàng TMCP Petrolimex, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Ngoài ra, trong năm 2024 Công ty không ghi nhận phát sinh các khoản vay dài hạn và không có nợ quá hạn.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Chính sách quản lý trọng dụng người có tài, có đức, đào tạo để trở thành những cán bộ nguồn cho sự phát triển lâu dài của Công ty. Năm qua, Công ty đã tổ chức hàng chục khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài về chuyên môn cũng như kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ. Ngoài ra, Công ty cũng hỗ trợ học phí cho cán bộ tham gia các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng quan tâm đời sống và phúc lợi cho cán bộ nhân viên như mua bảo hiểm, các giải thưởng khuyến khích thi đua trong các phòng/ban.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Bước sang năm 2025, Công ty định hướng sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy các kết quả công ty đã đạt được trong năm 2024. Ngoài ra, Công ty cũng xác định sẽ tập trung duy trì và đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn



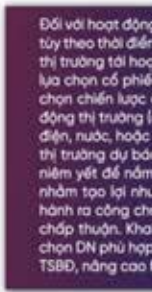
Tiếp tục tăng trưởng thị phần mảng mới giới chứng khoán và tăng cường cung cấp dịch vụ liên quan như cho vay margin, ứng trước tiến bán... trên cơ sở hoàn thiện hạ tầng công nghệ phục vụ giao dịch, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn phục vụ khách hàng. Đảm bảo cơ cấu đóng góp vào doanh thu hoạt động cho vay margin của khách hàng mass và khách hàng deal duy trì ở mức hợp lý nhằm hạn chế các tác động tiêu cực từ diễn biến phức tạp của thị trường.



Tập trung phát triển khai thác sâu mảng tư vấn dịch vụ đối với tập khách hàng của VietinBank, bao gồm tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán sáp nhập, tư vấn cổ phần hóa, tận dụng bán chéo đa kênh với VietinBank.



Đẩy mạnh các mảng hoạt động đầu tư kinh doanh vốn, tiết giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ cung cấp ra thị trường để có thể đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, kể cả những khách hàng khó tính nhất. Xây dựng hệ thống, từng bước tự động hóa hoạt động cần đổi nguồn vốn và quản trị thanh khoản của công ty. Tìm kiếm, đa dạng hóa quan hệ với các TCTD trong và ngoài nước để huy động bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh của công ty.



Đối với hoạt động tự doanh, cân đối tỷ trọng hoạt động đầu tư trong cơ cấu doanh thu tùy theo thời điểm của thị trường đảm bảo tối ưu hóa lợi nhuận, giảm bất tác động của thị trường tái hoạt động kinh doanh. Tăng cường ứng dụng công nghệ trong sàng lọc, lựa chọn cơ phiếu đầu tư, xác định thời điểm chốt lời, cắt lỗ. Chủ động, linh hoạt lựa chọn chiến lược đầu tư (active trading/dài hạn), thực hiện giao dịch trên cơ sở biến động thị trường (như hướng đến các ngành phòng vệ trong giai đoạn thị trường giảm: điện, nước, hoặc các ngành tăng trưởng như công, bán lẻ, đầu tư công, BĐS KCN...khí thị trường dự báo tăng điểm...). Tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp chưa niêm yết để nắm giữ trung hạn và đồng hành cùng doanh nghiệp trước khi niêm yết nhằm tạo lợi nhuận đột biến. Ưu tiên đầu tư vào trái phiếu các doanh nghiệp phát hành ra công chúng có thông tin công khai minh bạch, hồ sơ phát hành đc UBCKNN chấp thuận. Khai thác tối ưu lợi thế về thông tin, dữ liệu tập KHDN của NHCT để lựa chọn DN phù hợp, phối hợp cùng các CN NHCT chủ động quản lý, kiểm soát dòng tiền, TSBD, nâng cao hiệu quả khoản đầu tư.



Tiếp tục xây dựng và khẳng định thương hiệu của Công ty chứng khoán uy tín trên thị trường, cung cấp đầy đủ dịch vụ tài chính, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng với chất lượng cao nhất.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội & cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty

Tại VietinBank nói chung và VietinBank Securities nói riêng, vấn đề "phát triển bền vững" đã được đề cao từ lâu theo lịch sử hình thành lâu đời của doanh nghiệp và ngày càng được mở rộng không chỉ đảm bảo các lợi ích về kinh tế trước mắt mà còn quan tâm ngày càng nhiều hơn các lợi ích bền vững lâu dài và những tác động đến cộng đồng.

Là một trong những Công ty chứng khoán lâu đời nhất tại Việt Nam, thành viên của ngân hàng có thương hiệu uy tín nhất tại Việt Nam, VietinBank Securities hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh với định hướng phát triển bền vững. Thông qua hoạt động của mình, VietinBank Securities đã có những tác động tích cực có trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, cụ thể:

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động;
- Huy động vốn cho nền kinh tế;
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng vốn hiệu quả;
- Hỗ trợ nhà đầu tư nâng cao hiệu quả đầu tư;
- Đóng góp cho sự phát triển của ngành chứng khoán, tài chính;
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, minh bạch hóa doanh nghiệp;
- Tạo điều kiện phát triển thế hệ trẻ, hỗ trợ cộng đồng.



Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán

Không có

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

Công ty thực hiện các biện pháp tiết kiệm chống lãng phí, bao gồm tiết kiệm năng lượng tiêu thụ, tiết kiệm chi phí quản lý công cụ và tiết kiệm và sử dụng lao động hiệu quả. Công ty khuyến khích CBNV sử dụng điện, nước tiết kiệm tại văn phòng; mức tiêu thụ điện, nước được theo dõi chặt chẽ.

Bên cạnh đó Công ty vẫn tiếp tục và duy trì việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường như Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn báo cáo hiện trạng và quản lý số liệu quan trắc môi trường. Định kỳ hằng năm, VietinBank Securities ký kết các hợp đồng dịch vụ với các đơn vị chuyên môn để thực hiện quan trắc nước thải và quan trắc môi trường lao động định kỳ, ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại các tòa trụ sở theo quy định của pháp luật...

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, đặc biệt là về kỹ năng chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Khuyến khích và tạo điều kiện cho CBNV phát triển toàn diện về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí công việc đảm nhận.

Ngoài ra, VietinBank Securities luôn đảm bảo các chính sách lương, thưởng; chế độ bảo hiểm xã hội; chế độ phúc lợi cho cán bộ công nhân viên.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2024, thông qua hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên, Công ty đã tổ chức và tham gia chuỗi các hoạt động từ thiện chi tiết theo điểm g, mục 1, Phần III của Báo cáo này. Ngoài ra, Công ty cũng đang tiếp tục mở rộng các hoạt động, tập trung vào các lĩnh vực bảo vệ môi trường, phát triển giáo dục và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đóng góp vào các chương trình thiện nguyện có ý nghĩa thiết thực để góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững chung của xã hội và cộng đồng.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*
- *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty*
- *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2024, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực dù phải đối mặt với nhiều thách thức đến từ thị trường. Lợi nhuận trước thuế đạt 287,39 tỷ đồng, tăng 24,48%, hoàn thành 102,56% kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2024 do Đại hội đồng Cổ đông giao. Trong đó, lợi nhuận sau thuế đạt 231,09 tỷ đồng, tăng 23,31% so với năm 2023. Hội đồng quản trị (HĐQT) đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2024, cụ thể như sau:



287,39

tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

↑ 24,48%



231,09

tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

↑ 23,31%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG kinh doanh chính của Công ty

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN VÀ KINH DOANH VỐN

Về hoạt động đầu tư

Năm 2024, tình hình thị trường chứng khoán diễn biến phức tạp, theo đó, Công ty đã bám sát định hướng kinh doanh đưa ra từ ngay đầu năm, tăng cường quản trị rủi ro, đầu tư an toàn và hiệu quả. Do vậy, Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ đạt 391,77 tỷ đồng và Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán đạt 64,88 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư Trái phiếu với tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trong danh mục đầu tư của Công ty tại 31/12/2024 tính theo giá vốn là 725,31 tỷ đồng (tăng 46,65% so với đầu kỳ tương đương tăng 230,71 tỷ đồng).

Về hoạt động kinh doanh vốn

Năm 2024, Công ty đã triển khai hiệu quả, đảm bảo thanh khoản để phục vụ hoạt động kinh doanh đồng thời tối ưu hóa chi phí vốn trong điều kiện thị trường tài chính tiếp tục chịu nhiều biến động khi lãi suất toàn cầu vẫn duy trì ở mức cao, tỷ giá VND/USD biến động lớn, giá vàng tăng cao và môi trường kinh tế còn nhiều thách thức. Tính đến hết năm 2024, Công ty đã thiết lập và mở rộng quan hệ với hơn 40 tổ chức tín dụng và các định chế tài chính, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tổng hạn mức tín dụng, hạn mức vay vốn và bảo lãnh Công ty được cấp đến 31/12/2024 quy đổi ra VND đạt gần 23.500 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực triển khai các phương án kinh doanh vốn để góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận đạt được trong năm.



HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI VÀ CHO VAY GIAO DỊCH KỶ QUỸ

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục tăng cường đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán với kết quả khá quan, cụ thể như sau: Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán toàn Công ty năm 2024 đạt 105,19 tỷ đồng tăng 4,83% so với năm 2023. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường được mở mới tại Công ty năm 2024 ghi nhận 5.227 tài khoản, tăng mạnh 109,42% so với năm 2023.

Về hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ, Công ty đã chú trọng kiểm soát rủi ro chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các giới hạn về cho vay giao dịch kỳ quỹ như dư nợ margin không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Với việc quản lý danh mục vay thận trọng, điều chỉnh linh hoạt theo diễn biến thị trường cùng với áp dụng các chương trình, chính sách phí ưu đãi, dư nợ margin cuối năm 2024 của Công ty tăng trưởng mạnh, tăng 17,32% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 3.193,56 tỷ đồng. Tổng doanh thu từ tiền lãi margin thu được năm 2024 là 306,99 tỷ đồng, tăng 26,59% so với năm 2023.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VÀ ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Năm 2024, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đại lý phát hành toàn Công ty đạt gần 999 tỷ đồng, tăng 27,1% so với năm 2023, trong đó doanh thu từ tư vấn tài chính đạt gần 8,87 tỷ đồng, tăng 60,19%, doanh thu từ hoạt động đại lý phát hành đạt 1,12 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy những nỗ lực của Công ty trong việc thích ứng những thay đổi của thị trường, tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng danh mục khách hàng.

CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Trong năm 2024, hoạt động nghiên cứu phân tích và phát triển sản phẩm của Công ty tiếp tục cung cấp được nhiều bản tin nhận định và khuyến nghị bổ ích tới nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo chuyên sâu mang tính chất định hướng, hỗ trợ cho mảng nghiệp vụ mỗi giới chứng khoán và các phòng ban nghiệp vụ khác trong nội bộ. Bên cạnh đó, nghiệp vụ phát triển sản phẩm cũng đẩy mạnh hoạt động các dự án nâng cấp phần mềm của công ty, tham gia dự án KRX,... Ngoài ra, các hoạt động khác như khảo sát/nghiên cứu các sản phẩm mới và xây dựng các chương trình marketing (Trí ẩn khách hàng thân thiết nhân dịp sinh nhật Công ty, Giao dịch nhận quà, du lịch thả ga cùng VietinBank Securities, Ưu đãi miễn phí giao dịch cho KH liên kết tài khoản thanh toán VietinBank và tài khoản chứng khoán VietinBank Securities,...) cũng được chú trọng để giúp gia tăng độ nhận diện thương hiệu của Công ty cũng như kích thích khách hàng mở mới/duy trì hoạt động của tài khoản.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH

Hoạt động quản lý tài chính kế toán của Công ty năm 2024 tiếp tục có được sự phối hợp chặt chẽ giữa các Đơn vị nội bộ trong việc theo dõi, hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác và minh bạch các khoản mục tài sản, nguồn vốn, tình hình đầu tư kinh doanh của Công ty cũng như số dư tiền gửi của khách hàng giao dịch chứng khoán theo chế độ quy định. Công tác kế toán tài chính cũng đã tiếp tục hỗ trợ hiệu quả cho các Đơn vị nội bộ thực hiện điều tiết, cân đối vốn, đảm bảo thanh khoản an toàn, ổn định và đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trong năm 2024, ngoài việc đảm bảo Hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT) hoạt động ổn định và liên tục, Công ty cũng đã thực hiện một dự án lớn chuyển toàn bộ trang thiết bị bao gồm thiết bị mạng, máy chủ, hệ thống lưu trữ, đường truyền từ 306 Bà Triệu sang Trung tâm dữ liệu (DC) chuyên nghiệp của CMC (Thiết lập mô hình kết nối chuẩn hóa cho toàn bộ các địa điểm (Trụ sở chính, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch Bà Triệu) về DC. Thiết lập kết nối từ DC tới các Sở GD&ĐT đảm bảo đúng quy định). Công ty cũng tiếp tục thực hiện nhiều dự án Phần mềm nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và trải nghiệm khách hàng tốt hơn, dự kiến các dự án này sẽ hoàn thành trong năm 2025.

Trong công tác đảm bảo an toàn an ninh hệ thống Công ty đã tích cực phối hợp với đối tác và Trung Tâm CNTT của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong việc rà soát toàn bộ hệ thống, chính sách bảo mật nhằm đảm bảo an toàn an ninh hệ thống cũng như đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG TÁC KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2024, Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và Pháp luật có liên quan. Công tác quản trị rủi ro không ngừng được tăng cường chú trọng và luôn song hành cùng các hoạt động kinh doanh, thực hiện phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn, đưa ra các cảnh báo rủi ro giúp VietinBank Securities phòng ngừa các tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh. Ban Lãnh đạo cùng các tuyến kiểm soát rủi ro của Công ty thường xuyên đánh giá các rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn, cho vay giao dịch kỳ quỹ, các khoản nợ đến hạn/quá hạn, rủi ro trong giao dịch/tác nghiệp, rủi ro trong các sản phẩm, dịch vụ dự kiến triển khai... để đưa ra các cảnh báo, biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả.



CÔNG TÁC HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, công tác hành chính quản trị tiếp tục đáp ứng được nhu cầu cho các hoạt động của Công ty. Về hệ thống máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện đi lại phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong năm 2024 cũng được Công ty quan tâm đầu tư nâng cấp, thực hiện bảo hành, bảo dưỡng định kỳ. Năm 2024, Công ty không để xảy ra các sự cố về an ninh, công tác phòng chống cháy nổ được thực hiện định kỳ theo đúng quy định của Pháp luật.



QUẢN LÝ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, LAO ĐỘNG TIẾN LƯƠNG

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục quan tâm thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, bổ nhiệm, điều động luân chuyển cán bộ nội bộ nhằm bổ sung, xây dựng và kiện toàn cơ cấu nhân sự cho hoạt động của các Đơn vị; đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển cán bộ thông qua các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài tạo có chất lượng cao.

Cơ chế tiến lương của Công ty vẫn tiếp tục thực hiện theo kết quả đánh giá KPIs, đảm bảo đánh giá giám sát năng lực và sự đóng góp của cán bộ, nhân viên vào hoạt động kinh doanh của Công ty và tiếp tục được nghiên cứu đổi mới để tăng cường khả năng thu hút cũng như giữ chân người lao động có năng lực và kinh nghiệm, tạo nền tảng phát triển vững mạnh cho Công ty hiện tại và tương lai.

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI

Năm 2024, VietinBank Securities tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hoạt động thiết thực trong công tác an sinh xã hội. Ngoài việc tiếp tục đóng góp ngày lương cơ bản và lương kinh doanh một năm để ủng hộ Quỹ tình nghĩa. Trong năm 2024, thông qua hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên, Công ty đã tổ chức và tham gia chuỗi các hoạt động từ thiện chi tiết theo mục 6 Phần III của Báo cáo này. Ngoài ra, Công ty đã và đang nỗ lực khởi xướng và đóng góp vào các chương trình thiện nguyện có ý nghĩa thiết thực, tác động lâu dài cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2024, HĐQT Công ty đã giám sát Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ, các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch được giao theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCD/HĐQT, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong việc điều hành công việc kinh doanh và hoạt động hằng ngày của Công ty được thực hiện thông qua các quyết nghị, chỉ đạo cụ thể của HĐQT đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty tại các cuộc họp HĐQT định kỳ/bất thường khi có phát sinh và trong các Nghị quyết được HĐQT phê duyệt theo phương thức Lấy ý kiến bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, đồng thời giám sát qua các kênh như qua cơ chế báo cáo của Tổng Giám đốc lên HĐQT, qua hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, ...

Thông qua hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty, HĐQT nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các nội dung định hướng, chỉ đạo của HĐQT và các công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao trên cơ sở quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành.

Trong năm 2024, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trình HĐQT thông qua, trên cơ sở đó, Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ kinh doanh cụ thể tới từng đơn vị liên quan để triển khai và thực hiện báo cáo HĐQT về kết quả thực hiện theo quy định. Tại các phiên họp định kỳ của HĐQT, Tổng Giám đốc đã thực hiện báo cáo về các mảng hoạt động của Công ty và kế hoạch hoạt động kinh doanh trong thời gian tiếp theo, bên cạnh đó Tổng Giám đốc cũng đã thực hiện việc báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCD/HĐQT và báo cáo theo yêu cầu của HĐQT.

HĐQT ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCD thường niên 2024 giao cũng như trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2024.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi phù hợp với xu hướng và nhận định thị trường, duy trì và tối ưu hóa hiệu quả quản trị điều hành, quản lý rủi ro tại Công ty, cụ thể như sau:

Khai thác hiệu quả hệ sinh thái NHCTVN

Với lợi thế là Công ty con của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – một trong những ngân hàng TMCP có vốn nhà nước lớn nhất tại Việt Nam, Công ty định hướng tiếp tục tăng cường khai thác hệ sinh thái VietinBank, tích cực bán chéo các sản phẩm dịch vụ của các mảng môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp và kinh doanh vốn trong hệ thống từ đó góp phần xây dựng hệ sinh thái ngân hàng toàn diện, tối ưu và hiệu quả.

Hoạt động môi giới và cho vay kỳ quỹ

Với định hướng xuyên suốt là ưu tiên tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới và cho tặng thị phần môi giới chứng khoán, năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và tiến hành triển khai các giải pháp: (i) Thúc đẩy gia tăng giao dịch của khách hàng thông qua cải tiến phần mềm giao dịch chứng khoán với nhiều tiện ích và tính năng ưu việt thu hút nhà đầu tư; Gia tăng chất lượng khuyến nghị, chất lượng các bản tin/báo cáo, linh hoạt với diễn biến thị trường; triển khai các gói sản phẩm, chương trình ưu đãi để thu hút khách hàng; nghiên cứu chính sách thu hút các Quý đầu tư trong nước/nước ngoài, các khách hàng tổ chức/khách hàng doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty (ii) Đẩy mạnh hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ hướng tới khai thác tối đa hạn mức margin trên vốn chủ sở hữu toàn Công ty trên cơ sở đảm bảo quản trị rủi ro cho vay chặt chẽ (iii) Xây dựng cơ chế, chính sách linh hoạt để phát triển mạng lưới Cộng tác viên và tạo động lực cho các bản môi giới.

Hoạt động Tự doanh và Bảo lãnh phát hành

Năm 2025, Công ty định hướng tăng cường quản trị rủi ro, duy trì cách tiếp cận linh hoạt, bám sát các yếu tố vĩ mô và diễn biến thị trường, kết hợp với quản trị chặt chẽ rủi ro danh mục để đưa ra các quyết định đầu tư tối ưu, hiệu quả và an toàn đối với danh mục cổ phiếu; Tiếp tục mở rộng đầu tư mới danh mục trái phiếu doanh nghiệp, tìm kiếm, lựa chọn trái phiếu phát hành ra công chúng, trái phiếu của các doanh nghiệp lớn, có tình hình tài chính/dòng tiền tốt, tài sản bảo đảm có giá trị đồng thời phải đáp ứng các điều kiện phát hành theo quy định của pháp luật; Đẩy mạnh dịch vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu để tăng cường thu phí dịch vụ. Đồng thời Công ty sẽ chủ động mở rộng tệp khách hàng tiềm năng và tiếp tục khai thác tối ưu lợi thế về thông tin, dữ liệu tệp khách hàng trong hệ sinh thái VietinBank để lựa chọn doanh nghiệp đầu tư phù hợp, chủ động quản lý, kiểm soát dòng tiền/tài sản bảo đảm và nâng cao hiệu quả khoản đầu tư.

Hoạt động Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Năm 2025, Công ty định hướng tiếp tục đầu tư vào công tác kiểm soát chất lượng dịch vụ tư vấn, lấy đó làm sức mạnh cạnh tranh để duy trì tệp khách hàng cũ và phát triển khách hàng mới. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đưa ra nhiều giải pháp về tổ chức, về truyền thông, đào tạo nội bộ để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động bán chéo sản phẩm, trên cơ sở đó tận dụng các lợi thế của hệ sinh thái VietinBank để tìm kiếm khách hàng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ chú trọng đến việc thay đổi cơ cấu sản phẩm dịch vụ, thay đổi cơ cấu phí dịch vụ theo mục tiêu lựa chọn các sản phẩm dịch vụ có hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời phí dịch vụ phải tương ứng với mức độ phức tạp, mức độ rủi ro của sản phẩm tư vấn.

Hoạt động Kinh doanh vốn

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu đảm bảo thanh khoản ổn định, vững chắc, duy trì đệm thanh khoản đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty tại mọi thời điểm, đồng thời định hướng phát triển quan hệ với các Tổ chức tín dụng theo chiều sâu, nhằm khai thác nguồn vốn vay với lãi suất tốt nhất. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục tăng cường quản trị thanh khoản, chủ động ứng biến với mọi thách thức, biến động khó lường từ thị trường tài chính trong nước và quốc tế; cân đối vay vốn trên thị trường trong nước và nước ngoài, dựa trên dự báo về xu hướng lãi suất, để tối ưu chi phí vốn toàn Công ty. Bên cạnh công tác quản trị thanh khoản và tối ưu chi phí lãi vay, Công ty cũng sẽ tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh giao dịch giấy tờ có giá để gia tăng lợi nhuận, đa dạng hóa danh mục tài sản trên Bảng cân đối kế toán, đưa hình ảnh năng động của Công ty Chứng khoán Công ty hiện diện rộng khắp trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.

Các hoạt động khác

Trong năm 2025, bên cạnh định hướng về hoạt động kinh doanh nêu trên, Công ty tiếp tục bám sát các chủ điểm trọng tâm bao gồm: (i) Tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn lực trong đó tích cực triển khai tinh gọn, đổi mới và nâng cao chất lượng nhân sự (ii) Xây dựng và triển khai chương trình/sáng kiến chuyển đổi số; (iii) Nâng cao tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí; (iv) Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và hoạt động kiểm tra kiểm soát, triển khai các biện pháp bảo mật cao, phòng ngừa và ứng phó hiệu quả với các sự cố an ninh mạng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2024, Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty có 5 thành viên, đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HDQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cơ cấu thành viên HDQT Công ty đáp ứng yêu cầu có ít nhất 1/3 số thành viên HDQT là thành viên không điều hành và có 01 thành viên độc lập HDQT để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HDQT.

Danh sách thành viên HDQT của Công ty:



ÔNG TRẦN PHÚC VINH

Chủ tịch

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: 0¹

Số lượng chức danh thành viên HDQT nắm giữ tại các công ty khác: **Không**



ÔNG VŨ ĐỨC MẠNH

Thành viên

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: 0¹

Số lượng chức danh thành viên HDQT nắm giữ tại các công ty khác: **Không**



ÔNG ĐẶNG ANH HÀO

Thành viên

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: 0¹

Số lượng chức danh thành viên HDQT nắm giữ tại các công ty khác: **Không**



BÀ NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Thành viên độc lập

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: 0

Số lượng chức danh thành viên HDQT nắm giữ tại các công ty khác: **Không**



BÀ HỒ THỊ THU HIỀN

Thành viên

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: 0

Số lượng chức danh thành viên HDQT

nắm giữ tại các công ty khác:

Trường phòng Thị trường vốn - Ngân hàng

TMCP Công Thương Việt Nam

Thành viên HDQT - CTCP Thông tin tin dụng Việt Nam

Thành viên HDQT - Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022 tổ chức ngày 04/07/2022 của Công ty bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty với nhiệm kỳ kể từ ngày 04/07/2022 đến hết ngày 09/04/2024.

Bà Phạm Thị Huyền Trang được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 tổ chức ngày 02/04/2024 của Công ty bầu làm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty với nhiệm kỳ 05 (năm) năm kể từ ngày 10/04/2024 đến hết ngày 09/04/2029.



BÀ PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Thành viên độc lập

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: 0

Số lượng chức danh thành viên HDQT

nắm giữ tại các công ty khác: **Không**

(*¹) Không bao gồm số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu của NHCTVN tại Công ty

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty có 02 (hai) thành viên là Ông Trần Phúc Vinh - Chủ tịch HDQT, Bà Hồ Thị Thu Hiền - Thành viên HDQT và 01 (một) thành viên độc lập HDQT là Bà Phạm Thị Huyền Trang. Cơ cấu Hội đồng quản trị gồm có 02 (hai) thành viên không điều hành và 01 (một) thành viên độc lập HDQT đảm bảo cho Hội đồng quản trị độc lập với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HDQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc HDQT. Tuy nhiên, để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, HDQT đã:

01 Duy trì cơ cấu hoạt động của HDQT Công ty (trong đó tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập) để đảm bảo đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HDQT và tuân thủ quy định của Pháp luật.



02 Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HDQT phụ trách các mảng hoạt động cụ thể để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HDQT một cách toàn diện, đầy đủ, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy định nội bộ của Công ty.

03 Tiếp tục duy trì và tăng cường vai trò của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ trực thuộc HDQT. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ tại Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán Nội bộ và Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do Hội đồng quản trị giao. Hiện tại Bộ phận Kiểm toán Nội bộ trực thuộc HDQT Công ty có 01 nhân sự là Trưởng Bộ phận.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

• Đánh giá hoạt động của HĐQT

HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty (Điều lệ Công ty).

Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty đã được ĐHCĐ thông qua, HĐQT đã xác định các mục tiêu hoạt động, phê duyệt việc phân bổ chỉ tiêu kinh doanh cho các Đơn vị và giám sát việc triển khai thực hiện để hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 27 cuộc họp trực tiếp với sự tham gia đầy đủ của 100% các thành viên HĐQT (trong đó đảm bảo họp định kỳ tối thiểu 01 quý/01 lần và họp bất thường khi có các vấn đề phát sinh), qua đó kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành và quản lý rủi ro của Công ty, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc, đưa ra các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động, giám sát công tác quản trị rủi ro và kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh. Các thành viên HĐQT luôn tích cực tham gia các cuộc họp HĐQT, cũng như tích cực nghiên cứu, cho ý kiến đối với các quyết sách, phê duyệt của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao.

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, hợp lệ, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT tích cực thảo luận, trao đổi và cho ý kiến. Các nội dung phải được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT cũng đã được Chủ tịch HĐQT tổ chức họp để lấy ý kiến các thành viên HĐQT đầy đủ theo quy định.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp, Chủ tịch HĐQT cũng thực hiện Lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các quyết nghị và ban hành 242 Nghị quyết HĐQT theo phương thức trên. Tổng cộng số lượng Nghị quyết HĐQT Công ty đã ban hành trong năm 2024 là 269 Nghị quyết.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
01	Ông Trần Phúc Vinh	27/27	100%	Không có
02	Ông Vũ Đức Mạnh	27/27	100%	Không có
03	Ông Đặng Anh Hòa	27/27	100%	Không có
04	Bà Hồ Thị Thu Hiền	27/27	100%	Không có
05	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	08/08	100%	Không còn là Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 10/04/2024
06	Bà Phạm Thị Huyền Trang	19/19	100%	Bắt đầu là Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 10/04/2024

Nội dung các cuộc họp HĐQT trực tiếp

(27 cuộc họp và không bao gồm các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	14/2024/NQ-HĐQT-CKCT	29/01/2024	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 01/2024	100%
02	15/2024/NQ-HĐQT-CKCT	29/01/2024	Phê duyệt việc Giao kế hoạch kinh doanh cho các Đơn vị năm 2024	100%
03	16/2024/NQ-HĐQT-CKCT	29/01/2024	Đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 đối với cán bộ thẩm quyền quản lý nhân sự của Hội đồng quản trị	100%
04	23/2024/NQ-HĐQT-CKCT	05/02/2024	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024	100%
05	30/2024/NQ-HĐQT-CKCT	22/02/2024	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 02/2024	100%
06	63/2024/NQ-HĐQT-CKCT	01/04/2024	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 04/2024	100%
07	64/2024/NQ-HĐQT-CKCT	01/04/2024	Thông qua Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty và các vấn đề liên quan	100%
08	66/2024/NQ-HĐQT-CKCT	08/04/2024	Phê duyệt Phương án bán cổ phiếu quỹ	100%
09	68/2024/NQ-HĐQT-CKCT	10/04/2024	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100%
10	76/2024/NQ-HĐQT-CKCT	23/04/2024	Chi Quỹ Khen thưởng	100%
11	77/2024/NQ-HĐQT-CKCT	23/04/2024	Thù lao và chế độ phúc lợi đối với Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	100%
12	85/2024/NQ-HĐQT-CKCT	06/05/2024	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 05/2024	100%
13	101/2024/NQ-HĐQT-CKCT	28/05/2024	Chi khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân lao động tiên tiến năm 2023	100%
14	102/2024/NQ-HĐQT-CKCT	28/05/2024	Chấm dứt hoạt động phòng Khách hàng quốc tế, điều chỉnh mô hình tổ chức các Đơn vị nghiệp vụ tại Công ty Chứng khoán Công thương và một số nội dung liên quan	100%
15	115/2024/NQ-HĐQT-CKCT	11/06/2024	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 06/2024	100%
16	145/2024/NQ-HĐQT-CKCT	23/07/2024	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 07/2024	100%
17	158/2024/NQ-HĐQT-CKCT	08/08/2024	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 08/2024	100%
18	198/2024/NQ-HĐQT-CKCT	25/09/2024	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 09/2024	100%
19	217/2024/NQ-HĐQT-CKCT	22/10/2024	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 10/2024	100%
20	226/2024/NQ-HĐQT-CKCT	06/11/2024	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 11/2024	100%
21	233/2024/NQ-HĐQT-CKCT	15/11/2024	Công tác cán bộ	100%
22	235/2024/NQ-HĐQT-CKCT	18/11/2024	Phê duyệt chương trình hành động đối với danh mục đầu tư	100%
23	243/2024/NQ-HĐQT-CKCT	28/11/2024	Chi Quỹ Khen thưởng	100%
24	245/2024/NQ-HĐQT-CKCT	05/12/2024	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 12/2024	100%
25	246/2024/NQ-HĐQT-CKCT	05/12/2024	Thông qua nội dung ban dự thảo sửa đổi, bổ sung và phê duyệt ban hành Quy chế Tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100%
26	267/2024/NQ-HĐQT-CKCT	31/12/2024	Phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh giao cho các Đơn vị năm 2024	100%
27	268/2024/NQ-HĐQT-CKCT	31/12/2024	Thù lao, lương/thưởng và lợi ích khác đối với Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2024	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 02/04/2024 của Công ty, ĐHĐCĐ đã thông qua Tô trình nhân sự và bầu Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Công ty, theo đó, số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 (năm) thành viên, trong đó có 01 (một) thành viên độc lập HĐQT, với nhiệm kỳ là 05 (năm) kể từ ngày 10/04/2024 đến hết ngày 09/04/2029.

Cũng theo kết quả bầu Thành viên độc lập HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2024 của Công ty, trong năm 2024, Công ty có sự thay đổi về Thành viên độc lập HĐQT, cụ thể:

- Từ 01/01/2024 đến 09/04/2024: Thành viên độc lập HĐQT là Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.
- Từ 10/04/2024 đến 31/12/2024: Thành viên độc lập HĐQT là Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Trong năm 2024, ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của Thành viên HĐQT, trên cương vị là Thành viên độc lập HĐQT, trong thời gian đảm nhận chức vụ, Bà Nguyễn Thị Thu Hằng và Bà Phạm Thị Huyền Trang đã thực hiện vai trò Thành viên độc lập HĐQT của Công ty theo quy định của pháp luật, giám sát hoạt động của Công ty đảm bảo cho lợi ích của các cổ đông, tham dự đầy đủ, thường xuyên đóng góp ý kiến trên cương vị độc lập và biểu quyết tại 100% cuộc họp của HĐQT/lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản. Thành viên độc lập HĐQT cũng đã chủ động đưa ra những ý kiến đóng góp/đề xuất đối với hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro và quản lý điều hành của Công ty.



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, HĐQT/Chủ tịch HĐQT đã:

Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các mảng hoạt động cụ thể để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT một cách toàn diện, đầy đủ, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Tiếp tục duy trì và tăng cường vai trò của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Bộ phận Kiểm toán nội bộ tại Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ và Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do HĐQT giao. Hiện tại Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty có 01 nhân sự là Trưởng Bộ phận.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

BAN KIỂM SOÁT/ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thành viên và cơ cấu của
Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán



Bà PHAN THỊ THU HẰNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày bắt đầu là Trưởng
Ban Kiểm soát:
10/04/2019.

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Doanh nghiệp



Bà TRẦN THỊ KIM OANH

Kiểm soát viên

Ngày bắt đầu là
thành viên Ban kiểm soát:
10/01/2022.

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Kinh tế



Bà LÂM THỊ THU HƯƠNG

Kiểm soát viên

Ngày bắt đầu là
thành viên Ban kiểm soát:
16/06/2014.

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Hoạt động của Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tiến hành 05 cuộc họp định kỳ với sự tham gia của đầy đủ các Kiểm soát viên để triển khai các công việc, kiểm điểm tiến độ, triển khai các chỉ đạo của NHCT, thảo luận và cho ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi công việc, trách nhiệm và quyền hạn của BKS. Tỷ lệ tham dự họp đạt 100%, cụ thể:

STT	Kiểm soát viên	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Bà Phan Thị Thu Hằng Trưởng Ban Kiểm soát	05/05	100%	100%	-
2	Bà Lâm Thị Thu Hương TVBS chuyên trách	05/05	100%	100%	-
3	Bà Trần Thị Kim Oanh TVBS chuyên trách	05/05	100%	100%	-

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY	LƯƠNG, THƯỞNG THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH	GHI CHÚ
I Thành viên Hội đồng quản trị				
1	Trần Phúc Vinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.264.952.919	
2	Vũ Đức Mạnh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.134.459.910	
3	Đặng Anh Hào	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.483.396.624	
4	Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị	290.788.762	
5	Phạm Thị Huyền Trang	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	566.014.737	Bầu là thành viên độc lập HĐQT từ 10/04/2024
6	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	260.342.105	Thôi là thành viên độc lập HĐQT từ 09/04/2024
II Thành viên Ban Kiểm soát				
1	Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	1.116.269.961	
2	Lâm Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	612.589.637	
3	Trần Thị Kim Oanh	Kiểm soát viên	668.172.273	
III Ban Tổng Giám đốc				
1	Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	1.334.918.072	
2	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.274.636.171	
3	Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc	1.268.100.561	
IV Cán bộ quản lý khác				
1	Nguyễn Thị Anh Thư	Kế toán trưởng	1.077.876.087	
2	Lê Diệu Thúy	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng	1.035.584.534	
3	Hà Ngọc Hùng	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.057.125.684	

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	CHỨC VỤ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2024)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2024)		GHI CHÚ
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	
01	Trần Phúc Vinh	Chủ tịch HĐQT	0 (*)	0%	0 (*)	0%	
02	Vũ Đức Mạnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty	0 (*)	0%	0 (*)	0%	
03	Đặng Anh Hào	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty	0 (*)	0%	0 (*)	0%	
04	Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0%	
05	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	0	0%	Thôi là Thành viên độc lập HĐQT từ 09/04/2024
06	Phạm Thị Huyền Trang	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	0	0%	Bắt đầu là thành viên độc lập HĐQT từ 10/04/2024
07	Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%	0	0%	
08	Lâm Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	0	0%	0	0%	
09	Trần Thị Kim Oanh	Kiểm soát viên	0	0%	0	0%	
10	Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc Công ty	0	0%	0	0%	
11	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc Công ty	0	0%	0	0%	
12	Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc Công ty, Người được ủy quyền CBTT	0	0%	0	0%	
13	Nguyễn Thị Anh Thư	Kế toán trưởng	0	0%	0	0%	
14	Nguyễn Thị Thùy Linh	Trưởng Bộ phận KTNB	0	0%	0	0%	
15	Lê Mai Khanh	Người phụ trách quản trị Công ty	0	0%	0	0%	Người phụ trách quản trị Công ty từ 01/01/2023
16	Phạm Thị Thanh Mai	Thư ký Công ty	0	0%	0	0%	Thư ký Công ty từ 15/01/2023

(*) Không bao gồm số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu của NHCTVN tại Công ty.

Giao dịch cổ phiếu của cá nhân, tổ chức là người có liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2024)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2024)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)	Ghi chú
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu		
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)	112.498.833	75,635%	112.498.833	75,635%		Cổ đông lớn sở hữu 75,635% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Đối với hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

Trong năm 2024, BKS đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức & hoạt động của BKS. Nhìn chung, hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và BDH đã tuân thủ các quy định Luật CK, Điều lệ Công ty, triển khai theo đúng định hướng và mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Công tác giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, BDH được triển khai thông qua các nội dung chính sau:

- Giám sát HĐQT, BDH trong việc quản trị và điều hành Công ty (bao gồm kiểm tra tình hình hợp lý, hợp pháp, tình trung thực và mức độ cần thiết trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định tình đầy đủ, hợp pháp, trung thực của báo cáo đánh giá công tác quản trị của HĐQT);
- Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng đầu năm và cuối năm của Công ty (bao gồm kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập BCTC);
- Giám sát định kỳ, triển khai các Đoàn kiểm tra trực tiếp rà soát, kiểm tra các hoạt động của Công ty. Đánh giá hiệu quả, hiệu lực hệ thống Kiểm tra Kiểm soát Nội bộ, Kiểm toán Nội bộ, Quản lý Rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;
- Thực hiện kiểm tra, rà soát và lập Báo cáo giám sát định kỳ/đợt xuất các hoạt động của Công ty từ cổ đông lớn là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;

Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong quản trị, điều hành để thực hiện theo định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2024 của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua. Căn cứ kết quả giám sát cho thấy về cơ bản Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc đã chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục thông qua các hoạt động cụ thể sau:

Rà soát các văn bản chính sách, xem xét Nghị quyết HĐQT

Ban Kiểm soát đã phân công cho các thành viên BKS rà soát các Nghị quyết của HĐQT gửi BKS, rà soát một số văn bản chính sách của HĐQT/TGĐ ban hành mang tính trọng yếu, có tác động toàn diện tới hoạt động Công ty. Kết quả rà soát cho thấy cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT tuân thủ quy định Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, nội dung thông qua phù hợp quy định pháp luật, đúng thẩm quyền và đạt được sự nhất trí của các thành viên HĐQT.

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, cập nhật thông tin, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, tham gia và phát biểu ý kiến tại cuộc họp HĐQT, BDH

Ban Kiểm soát thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, tham dự và có ý kiến tại các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Công ty. Tại cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban, Ban Kiểm soát đã đưa ra ý kiến, quan điểm độc lập về các nội dung xin ý kiến, ghi nhận các tồn tại, rủi ro trong HĐKD, công tác quản trị điều hành, QLRR của Công ty, từ đó Ban Kiểm soát kiến nghị/khuyến nghị các nội dung cần triển khai để khắc phục những hạn chế, tồn tại. Đồng thời, đối với các nội dung cần lưu ý, tăng cường kiểm soát, Ban Kiểm soát đều đưa ra những ý kiến cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Giám sát định kỳ, thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty

Năm 2024, BKS đã thực hiện công tác rà soát, giám sát định kỳ một số hoạt động của Công ty đồng thời thành lập các Đoàn để kiểm tra trực tiếp hoạt động của một số Phòng ban TSC/CN. Qua kết quả giám sát định kỳ và kết quả của các Đoàn kiểm tra, BKS đã đánh giá, nhận diện các vấn đề, rủi ro tiềm ẩn, thực hiện kiến nghị HĐQT, BDH chỉ đạo các Đơn vị khác phục, chỉnh sửa, xử lý các tồn tại theo kiến nghị của các Đoàn kiểm tra/kiểm toán nội/ngoại ngành.

Ngoài ra, qua kết quả giám sát, kiểm tra, BKS cũng thực hiện đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty để đưa ra các kiến nghị/khuyến nghị thực hiện cũng như các lưu ý mang tính tư vấn cho HĐQT/BDH để nâng cao hiệu quả của các hoạt động này.

Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã rà soát các hợp đồng giữa Công ty và người có liên quan của Công ty. Qua rà soát cho thấy việc ký kết, triển khai hiện hợp đồng có cơ sở pháp lý, được HĐQT phê duyệt phù hợp với thẩm quyền và được Công bố thông tin theo quy định.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác

BKS tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty theo thu mời, về cơ bản các tài liệu, báo cáo, tờ trình của BDH khi gửi xin ý kiến HĐQT đồng thời được gửi cho BKS;

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, trao đổi thông tin trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, các quy định nội bộ của Công ty;

Các thành viên HĐQT, BDH và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS;

Trên cơ sở kết quả giám sát, kiểm tra, BKS đã đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn trong hoạt động của Công ty. HĐQT, BDH đã xem xét, chỉ đạo có nhân, đơn vị liên quan triển khai các nội dung kiến nghị, đề xuất của BKS.

Phương hướng, định hướng hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025

Tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;

Giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính VietinBank Securities, việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, giám sát việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ VietinBank Securities, quy định nội bộ trong quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác;

Thẩm định báo cáo tài chính

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, trong năm 2024, BKS đã thành lập Tổ thẩm định để thẩm định BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và thẩm định BCTC cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/6/2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đánh giá tình hình hợp lý; Thông qua thẩm định, BKS đánh giá tình hình hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC của Công ty.

Giám sát thường xuyên thông qua hệ thống thông tin báo cáo, triển khai kế hoạch kiểm tra hàng năm/đợt xuất, đảm bảo tiến độ để nhận diện và kiểm soát kịp thời các vấn đề có tác động trọng yếu đến hoạt động của CTS để có kiến nghị/khuyến nghị biện pháp ứng xử phù hợp.

Thông qua bộ phận KTNS, KTKSNB Công ty, giám sát việc thực hiện khắc phục chính sửa các tồn tại, hạn chế theo yêu cầu, kiến nghị các đoàn kiểm tra nội/ngoại ngành;

Tăng cường công tác đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Thông qua ý kiến trực tiếp tại các cuộc họp, ý kiến qua email về các hồ sơ xin ý kiến của BDH gửi HĐQT, BKS đã có những khuyến nghị, lưu ý cụ thể mang tính chất tư vấn về công tác quản trị điều hành, QLRR, hỗ trợ HĐQT, BDH có thêm thông tin tham khảo trong việc ra quyết định.

Ban Kiểm soát cũng đã tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế, quy định đối với các hoạt động của Công ty để phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan cũng như thực tế hoạt động của Công ty;

Tăng cường công tác đào tạo, bổ sung kiến thức, nâng cao năng lực kiểm soát viên để đáp ứng yêu cầu công việc và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Hợp đồng hoặc giao dịch VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm 2024, HĐQT Công ty đã ban hành tổng cộng 12 Nghị quyết liên quan đến việc giao dịch với người có liên quan, bao gồm:

Nghị quyết số 52/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 27/03/2024 thông qua việc Công ty ký kết các thỏa thuận bảo mật thông tin (NDA) với Ngân hàng MUFG Ltd., Chi nhánh Thành phố Hà Nội (MUFG Hà Nội) và Ngân hàng MUFG Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (MUFG Hồ Chí Minh) – Giao dịch với người có liên quan.

Nghị quyết số 146/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 25/07/2024 thông qua việc Công ty ký kết Hợp đồng Tư vấn hỗ trợ đăng ký chào bán Trái phiếu, Đại lý đăng ký và Đại lý thanh toán, Tư vấn niêm yết Trái Phiếu phát hành ra công chúng năm 2024 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với VietinBank – Giao dịch với người có liên quan.

Nghị quyết số 165/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 12/08/2024 thông qua việc Công ty ký kết Hợp đồng khung mua bán giấy tờ có giá và thực hiện giao dịch với Ngân hàng TNHH Indovina (IVB) – Giao dịch với người có liên quan.

Nghị quyết số 199/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 25/09/2024 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe VBICARE toàn diện với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI) và/hoặc các Chi nhánh VBI – Giao dịch với người có liên quan để thực hiện chương trình tri ân khách hàng thân thiết nhân dịp sinh nhật Công ty.

Nghị quyết số 114/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 10/06/2024 về việc Ký kết Hợp đồng dịch vụ quản lý khoản phải thu thông qua Định danh tài khoản với VietinBank Chi nhánh Thanh Xuân – Giao dịch với người có liên quan.

Nghị quyết số 157/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 08/08/2024 chấp thuận việc Công ty ký bổ sung Phụ lục 09 đính kèm Hợp đồng hợp tác về việc Cung cấp dịch vụ mở tài khoản thanh toán, tài khoản chứng khoán và kết nối/hủy kết nối tài khoản thanh toán và tài khoản chứng khoán online cho Khách hàng cá nhân với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Giao dịch với người có liên quan.

Nghị quyết số 183/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 30/08/2024 chấp thuận việc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ký kết Hợp đồng thuê văn phòng với Văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại Đà Nẵng – Giao dịch với người có liên quan.

Nghị quyết số 242/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 28/11/2024 chấp thuận việc Công ty ký bổ sung Phụ lục 06 đính kèm Hợp đồng Bảo hiểm sức khỏe VBI Care số 020.KD07HDCN.23.390901 ngày 01/12/2023 với Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Công ty Bảo hiểm VietinBank Đông Đô Giao dịch với người có liên quan.

Nghị quyết số 258/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 26/12/2024 chấp thuận thông qua việc Công ty ký kết Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe VBI Care với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Công ty Bảo hiểm VietinBank Đông Đô – Giao dịch với người có liên quan để mua bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên Công ty.

Nghị quyết số 260/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 27/12/2024 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Một thành viên Vàng Bạc Đà Quý Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Giao dịch với người có liên quan để thực hiện Gói mua sắm quà Tết tri ân cán bộ nhân viên Công ty nhân dịp năm mới 2025.

Nghị quyết số 259/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 26/12/2024 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Một thành viên Vàng Bạc Đà Quý Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Giao dịch với người có liên quan để thực hiện Gói mua sắm quà Tết tri ân đối tác có in logo Công ty nhân dịp năm mới 2025.

Vào 01 Nghị quyết HĐQT số 200/2024/NQ-HĐQT-CKT ngày 26/09/2024 chấp thuận chủ trương ký hợp đồng, giao dịch với người có liên quan (gồm thông tin Đối tác/Bên liên quan, Phạm vi các Hợp đồng/Giao dịch và Giá trị giao dịch lũy kế từ đầu trong năm)

Đánh giá việc thực hiện các QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

HĐQT Công ty đã hoạt động một cách tích cực, trách nhiệm đối với triển khai và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Rà soát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty tuân thủ quy chế nội bộ của Công ty và theo quy định của Pháp luật, đảm bảo thông tin được truyền tải đến cổ đông minh bạch, chính xác và kịp thời.

Giám sát việc thực hiện tuân thủ các quy chế, quy định trong công tác quản trị công ty, thực hiện ban hành quy chế, quy định về quản trị Công ty khi cần thiết để bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị, năm 2025 Hội đồng quản trị Công ty sẽ:

- Tiếp tục đẩy mạnh việc giám sát tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật, thực hiện cập nhật quy định về quản trị công ty phù hợp với tình hình thực tế và các chuẩn mực theo quy định (nếu có).
- Tăng cường việc giám sát hoạt động công bố thông tin định kỳ/bất thường theo đúng quy định (bao gồm cả Tiếng Anh và Tiếng Việt), đảm bảo thông tin cung cấp cho Cổ đông và nhà đầu tư minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến Kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán



Ý KIẾN KIỂM TOÁN

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 của Công ty đã được công bố trên website của VietinBank Securities theo đường dẫn

<https://www.cts.vn/2025/03/07/vietinbank-securities-cbtt-bctc-da-duoc-kiem-toan-nam-2024-bao-cao-ty-le-attc-da-duoc-kiem-toan-nam-2024-cv-giai-trinh-chenh-lech-lai-nhuon-nam-2024-so-voi-nam-2023/>

Toán viên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 được nêu chi tiết tại phụ lục đính kèm Báo cáo này

Nơi nhận:

- Như Kinh gửi;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trần Phúc Vinh



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:





Hội đồng Quản trị

 Ông Trần Phúc Vinh Chủ tịch	 Bà Hồ Thị Thu Hiền Thành viên
 Ông Đặng Anh Hòa Thành viên	 Bà Phạm Thị Huyền Trang Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024)
 Ông Vũ Đức Mạnh Thành viên	 Bà Nguyễn Thị Thu Hằng Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2024)

Ban Kiểm soát

 Bà Phan Thị Thu Hằng Trưởng Ban	 Bà Trần Thị Kim Oanh Thành viên
 Bà Lâm Thị Thu Hương Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

 Ông Vũ Đức Mạnh Tổng Giám đốc	 Ông Nguyễn Tuấn Anh Phó Tổng Giám đốc
 Ông Đặng Anh Hòa Phó Tổng Giám đốc	 Bà Trần Thị Ngọc Tài Phó Tổng Giám đốc
 Ông Phạm Ngọc Hiệp Phó Tổng Giám đốc	

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính

Bà Trần Thị Ngọc Tài – Phó Tổng Giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 31/2025/GUQ-CKCT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 02 năm 2025)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trần Thị Ngọc Tài
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2025, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0036-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
 Ngày 28 tháng 02 năm 2025
 Hà Nội, CHOVN Việt Nam

Mai Thị Thúy Loan
Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 3837-2021-001-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm	
Tài sản						
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		8.598.346.699.061	8.346.416.002.003	
I.	Tài sản tài chính	110		8.590.785.882.831	8.336.785.005.686	
1.	Tiền	111	5	300.233.633.348	424.853.166.811	
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7	2.572.643.782.442	2.037.923.045.990	
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7	1.708.631.750.000	1.782.531.750.000	
4.	Các khoản cho vay	114	7	3.241.314.421.264	2.776.802.650.289	
5.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	115	7	680.714.100.000	768.078.947.369	
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)	
7.	Các khoản phải thu	117	8	85.898.897.406	560.287.434.652	
7.1.	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		1.040.000.000	367.300.000.000	
7.2.	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		84.858.897.406	192.987.434.652	
7.2.1.	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.2.1		84.858.897.406	192.987.434.652	
8.	Trả trước cho người bán	118		2.581.536.807	1.695.463.425	
9.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	2.593.001.367	3.202.770.486	
10.	Các khoản phải thu khác	122		1.756.092.924	2.484.902.680	
11.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	9	(670.964.589)	(16.264.757.878)	
II.	Tài sản ngắn hạn khác	130		7.560.816.230	9.630.996.317	
1.	Tạm ứng	131		39.600.000	-	
2.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	8.657.910	
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	7.456.523.999	8.471.949.785	
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		60.000.000	48.915.034	
5.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	1.096.737.290	
6.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	136	18	4.692.231	4.736.298	
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250)	200		99.775.052.970	110.636.560.086	
I.	Tài sản cố định	220		57.879.676.464	66.627.440.990	
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	25.524.944.673	33.102.981.815	
-	- Nguyên giá	222		88.837.855.604	88.473.954.481	
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(63.312.910.931)	(55.370.972.666)	
2.	Tài sản cố định vô hình	227	12	32.354.731.791	33.524.459.175	
-	- Nguyên giá	228		75.686.917.896	75.492.917.896	
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(43.332.186.105)	(41.968.458.721)	
II.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	13	4.313.869.770	-	
III.	Tài sản dài hạn khác	250		37.581.506.736	44.009.119.096	
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.090.840.000	299.160.000	
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	10	6.370.073.230	13.391.223.549	
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	218.450.464	
4.	Tiền nộp Quý Hỗ trợ thanh toán	254	14	20.000.000.000	20.000.000.000	
5.	Tài sản dài hạn khác	255	14	10.120.593.506	10.100.285.083	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)				270	8.698.121.752.031	8.457.052.562.089

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
Nguồn vốn					
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		6.445.212.840.277	6.419.118.005.133
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		6.422.042.545.663	6.393.046.412.863
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	15	6.330.591.455.000	6.255.475.813.301
1.1	Vay ngắn hạn	312		6.330.591.455.000	6.255.475.813.301
2.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	16	3.637.138.798	39.353.535.487
3.	Phải trả người bán ngắn hạn	320	17	2.374.080.235	19.555.997.915
4.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		610.750.000	1.047.494.397
5.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	28.428.679.180	27.017.382.910
6.	Phải trả người lao động	323		25.385.286.983	27.171.364.611
7.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	22.501.894.483	16.696.202.110
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		328.881.744	105.528.632
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		1.645.004.142	2.580.274.905
10.	Quý khen thưởng, phúc lợi	331		6.539.375.098	4.042.818.595
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		23.170.294.614	26.071.592.270
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		641.202.624	457.727.519
2.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	27	22.529.091.990	25.613.864.751
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		2.252.908.911.754	2.037.934.556.956
I.	Vốn chủ sở hữu	410	20	2.252.908.911.754	2.037.934.556.956
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.494.812.190.553	1.493.274.874.053
1.1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.487.383.110.000	1.487.383.110.000
a.	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.487.383.110.000	1.487.383.110.000
1.2.	Thặng dư vốn cổ phần	411.2		7.429.080.553	6.150.512.734
1.3.	Cổ phiếu quỹ	411.5		-	(258.748.681)
2.	Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		7.000.641.200	4.264.647.988
3.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		751.096.080.001	540.395.034.915
3.1.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1	21	679.190.110.930	457.023.776.649
3.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		71.905.969.071	83.371.258.266
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)		440		8.698.121.752.031	8.457.052.562.089

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tài chính

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT					
1.	Cổ phiếu đang lưu hành	006	20	1.487.383.110.000	1.487.013.490.000
2.	Cổ phiếu quỹ	007	20	-	369.620.000
3.	Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK	008	22.1	1.317.569.840.000	826.245.680.000
4.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	009	22.2	1.460.000	1.460.000
5.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	012	22.3	1.296.683.440.000	1.757.112.660.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG					
1.	Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	22.4	26.808.941.070.000	23.308.034.465.000
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		14.422.296.540.000	12.233.699.445.000
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		684.048.390.000	1.781.600.700.000
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		4.300.960.240.000	3.814.447.330.000
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		7.341.278.240.000	5.375.945.680.000
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		60.357.660.000	102.341.310.000
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	22.5	54.787.000.000	90.941.390.000
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		54.787.000.000	90.941.390.000
3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	22.6	81.932.310.000	104.186.550.000
4.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b	22.7	1.083.230.000	12.430.890.000
5.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	22.8	326.345.890.000	18.012.000.000


BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị: VND

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
8.	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)				
6.	Tiền gửi của khách hàng	026		760.323.576.255	984.421.851.584
6.1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	22.9	621.159.044.799	792.983.924.882
6.2.	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	22.9	106.657.687.808	130.396.066.737
6.3.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	22.9	25.736.282.232	56.258.127.013
a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		22.881.441.484	53.558.444.913
b.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		2.854.840.748	2.699.682.100
6.4.	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	22.10	6.770.561.416	4.783.732.952
7.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	22.11	753.553.014.839	979.638.118.632
7.1.	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1	22.11	748.799.308.042	973.511.527.679
7.2.	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2	22.11	4.444.127.038	3.304.925.070
7.3.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi kỳ quỹ giao dịch chứng khoán phát sinh	031.3	22.11	309.579.759	2.821.665.883
8.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	22.11	6.770.561.416	4.783.732.952


 Lưu Thị Tuyền
 Người lập


 Nguyễn Thị Anh Thư
 Kế toán trưởng




 Trần Thị Ngọc Tài
 Phó Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1.	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		391.767.991.961	533.828.174.904
a.	Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	23.1	162.404.934.575	273.003.750.495
b.	Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.2	23.2	206.655.985.136	206.885.404.341
c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	23.3	22.707.072.240	53.939.020.068
1.2.	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	23.3	119.525.223.514	162.032.721.280
1.3.	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	23.3	319.637.893.115	263.381.563.614
1.4.	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	04	23.3	64.879.576.528	72.374.821.001
1.5.	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		106.190.238.623	100.344.090.766
1.6.	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		1.120.000.000	2.321.818.182
1.7.	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		12.989.457.983	13.946.258.320
1.8.	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		8.865.183.340	5.534.272.727
1.9.	Thu nhập hoạt động khác	11		8.271.188.358	467.674.964
	Cộng doanh thu hoạt động	20		1.032.246.753.412	1.144.231.385.757
	(20=01+02+03+04+06+07+09+10+11)				
II.	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1.	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		249.612.249.079	321.927.879.059
a.	Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	23.1	28.550.348.038	6.992.239.928
b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	23.2	220.987.596.628	314.906.839.131
c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.3		74.304.413	28.800.000
2.2.	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(15.690.000.000)	15.690.000.000
2.3.	Chi phí hoạt động tự doanh	26		13.189.092.482	10.644.530.499
2.4.	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	24	75.989.121.786	78.229.562.503
2.5.	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	25	19.976.617.044	16.750.137.094
2.6.	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		12.802.328.051	10.945.893.138
2.7.	Chi phí khác	32		96.206.711	(420.773.457)
	Cộng chi phí hoạt động	40		355.975.615.153	453.767.228.836
	(40=21+24+26+27+30+31+32)				

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
3.1.	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		2.411.361.570	3.377.945.091
3.2.	Doanh thu khác về đầu tư	44		1.394.316.275	1.369.596.591
	Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42+44)	50	26	3.805.677.845	4.747.541.682
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH					
4.1.	Chi phí lãi vay	52		251.314.962.363	307.078.262.643
4.2.	Chi phí tài chính khác	55		5.028.717.385	34.716.122.862
	Cộng chi phí tài chính (60=52+55)	60	27	256.343.679.748	341.794.385.505
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN					
62		62	28	138.618.995.359	123.433.649.749
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-60-62)					
70		70		285.114.140.997	229.983.663.349
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC					
7.1.	Thu nhập khác	71		2.791.736.431	951.759.241
7.2.	Chi phí khác	72		514.352.650	63.656.003
	Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80		2.277.383.781	888.103.238
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)					
90		90		287.391.524.778	230.871.766.587
8.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	91		301.723.136.270	338.893.201.377
8.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(14.331.611.492)	(108.021.434.790)
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN					
9.1.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	29	59.171.072.777	65.293.880.166
9.2.	(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	100.2	29	(2.866.322.297)	(21.822.737.422)
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)					
200		200		231.086.774.298	187.400.623.843
10.1.	Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		231.086.774.298	187.400.623.843
XI. LÃI TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN					
300		300	31	-	11.147.416.000
11.1.	Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	302		-	13.934.270.000
11.2.	(Lỗ) toàn diện khác	304		-	(2.786.854.000)
	Tổng thu nhập toàn diện	400		231.086.774.298	198.548.039.843
XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG					
500		500		231.086.774.298	187.400.623.843
12.1.	Lãi có bán trên cổ phiếu (VND)/cổ phiếu	501	30	1.554	1.141

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	287.391.524.778	230.871.766.587
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	(121.172.381.356)	(121.763.816.599)
- Khấu hao tài sản cố định	03	9.411.694.366	6.204.650.835
- Các khoản dự phòng	04	(15.593.793.289)	15.269.226.543
- Chi phí lãi vay	06	251.314.962.363	307.078.262.643
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(2.918.182)	-
- Dự thu tiền lãi	08	(366.302.326.614)	(450.315.956.620)
3. Tăng các chi phí phi liên lệ	10	220.987.596.628	314.906.839.131
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11	220.987.596.628	314.906.839.131
4. Giảm các doanh thu phi liên lệ	18	(206.655.985.136)	(206.885.404.341)
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19	(206.655.985.136)	(206.885.404.341)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(363.036.867.205)	(3.112.598.383.583)
- Thay đổi tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	(549.052.347.944)	(342.438.806.233)
- Thay đổi các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	74.000.000.000	(644.200.000.000)
- Thay đổi các khoản cho vay	33	(464.511.770.975)	(1.266.640.168.566)
- Thay đổi tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	34	87.364.847.369	(477.178.877.369)
- Thay đổi phải thu bán các tài sản tài chính	35	366.260.000.000	(366.467.500.000)
- Thay đổi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	474.430.863.860	319.519.164.255
- Thay đổi các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	609.769.119	(715.235.139)
- Thay đổi các khoản phải thu khác	39	345.490.990	(610.997.041)
- Thay đổi các tài sản khác	40	84.470.591	(21.502.959)
- Thay đổi chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	746.413.409	(6.710.654.904)
- Thay đổi chi phí trả trước	42	7.977.624.305	(9.580.288.800)
- Thuế TNDN đã nộp	43	(57.797.052.662)	(44.509.945.457)
- Lãi vay đã trả	44	(246.255.683.399)	(302.810.631.405)
- Thay đổi phải trả cho người bán	45	(4.688.469.479)	179.031.544
- Thay đổi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	1.134.057.512	1.624.556.446
- Thay đổi phải trả người lao động	48	(1.786.077.628)	9.639.225.486
- Thay đổi phải trả, phải nộp khác	50	(36.749.234.096)	35.235.724.219
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	224.000.000	170.700.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(15.373.768.177)	(17.082.177.660)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(182.486.112.291)	(2.895.468.998.805)



Luu Thi Tuyen
Người lập



Nguyễn Thị Anh Thu
Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc Tài
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	(18.789.297.553)	(18.401.291.782)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	62	2.918.182	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(18.786.379.371)	(18.401.291.782)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	1.537.316.500	-
2. Tiền vay gốc	73	30.065.744.801.985	25.305.401.346.964
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(29.980.629.160.286)	(22.125.024.862.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	76.652.958.199	3.180.376.484.288
IV. Thay đổi tiền thuần trong năm			
V. Tiền và tương đương tiền đầu năm	101	424.853.166.811	158.346.973.110
- Tiền	101.1	424.853.166.811	126.346.973.110
- Các khoản tương đương tiền	101.2	-	32.000.000.000
VI. Tiền cuối năm			
- Tiền	103.1	300.233.633.348	424.853.166.811

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	125.364.332.972.830	94.384.803.391.849
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(122.500.511.502.952)	(96.232.463.699.857)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	(3.087.949.451.876)	2.470.208.652.652
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(1.957.121.795)	(5.711.107.359)
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	6.387.849.426.204	4.765.720.038.367
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(6.385.882.597.740)	(4.766.468.942.665)
Thay đổi tiền thuần trong năm	20	(224.098.275.329)	616.088.332.987
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	984.421.851.584	368.333.518.597
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	792.983.924.882	260.257.162.049
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	130.396.066.737	98.122.105.223
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	56.258.127.013	4.421.614.075
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	4.783.732.952	5.532.637.250
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	760.323.576.255	984.421.851.584
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	621.159.044.799	792.983.924.882
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	106.657.687.808	130.396.066.737
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	25.736.282.232	56.258.127.013
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	6.770.561.416	4.783.732.952

Lưu Thị Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc Tài
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm		
	Thuyết minh	Năm trước	Năm nay	Tổng	Năm nay	Năm nay	
I. Biến động vốn chủ sở hữu		1.868.467.260.096	2.037.934.556.956	275.359.067.985	(102.891.771.125)	2.037.934.556.956	2.252.908.911.754
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	20	1.493.274.874.053	1.493.274.874.053	-	1.278.567.819	258.746.681	1.493.274.874.053
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.487.383.110.000	1.487.383.110.000	-	-	-	1.487.383.110.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		6.150.512.734	6.150.512.734	-	1.278.567.819	-	6.150.512.734
1.3. Cổ phiếu quỹ	20	(258.746.681)	(258.746.681)	-	-	258.746.681	-
2. Dự trữ phòng tài chính và tài trợ nghiệp vụ	20	2.504.901.214	4.264.647.988	1.759.746.774	-	2.736.993.212	4.264.647.988
3. Lợi nhuận chưa phân phối	20	369.687.484.829	540.396.034.915	273.599.321.211	(102.891.771.125)	242.702.863.493	540.396.034.915
3.1. Lợi nhuận đã thực hiện		200.117.529.195	457.023.776.649	273.599.321.211	(16.693.073.757)	242.702.863.493	457.023.776.649
3.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		169.569.955.634	83.371.258.266	-	(86.198.697.368)	-	83.371.258.266
Tổng cộng		1.868.467.260.096	2.037.934.556.956	275.359.067.985	(102.891.771.125)	2.037.934.556.956	2.252.908.911.754

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm		
	Thuyết minh	Năm trước	Năm nay	Tổng	Năm nay	Năm nay	
II. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh khác							
1. (Lỗ)/Lợi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		(13.934.270.000)	-	18.128.950.000	(4.194.680.000)	63.131.320.000	(4.194.680.000)
2. Lợi, lỗ thuần từ hoạt động khác		2.786.654.000	-	838.930.000	(3.625.790.000)	4.732.200.000	(4.732.200.000)
Tổng cộng		(11.147.616.000)	-	18.967.880.000	(7.820.470.000)	67.863.320.000	(7.820.470.000)

Lưu Thị Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Anh Thư
Mã toàn trưởng



Trần Thị Ngọc Tài
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cùng với các cổ đông khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 107/UBCK-GP ngày 01 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 789934.000.000 VND.

Ngày 31 tháng 7 năm 2009, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Theo Quyết định số 431/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 6 năm 2017. Ngày 20 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chuyển sang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 196/QĐ-SGD ngày 13 tháng 6 năm 2017).

Ngày 10 tháng 10 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 97/GPDC-UBCK tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.487.383.110.000 VND. Quyết định sửa đổi nội dung Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 103/GPDC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 1.487.383.110.000 VND. Trong đó, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nắm giữ 75,64% vốn.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1 đến tầng 4, tòa nhà N02-T2, khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (01) trụ sở chính và hai (02) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng và một (01) phòng giao dịch tại Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 241 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 245 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 ("Thông tư 121") quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư và Điều 3 Thông tư số 68/2024/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 9 năm 2024 ("Thông tư 68") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 121, theo đó:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu là lệ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; và
- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và e nêu trên. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%); và
- Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 28 và Điểm e Khoản 4 Điều 28, Thông tư 121.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chock chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 28 tối đa trong thời hạn một (01) năm.

Trường hợp công ty chứng khoán thực hiện nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 28, công ty chứng khoán không được tiếp tục nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 01 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI

Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 68/2024/TT-BTC ("Thông tư 68") quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Thông tư 68 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2024.

Hướng dẫn mới đã ban hành nhưng chưa áp dụng

Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, Quốc hội đã ban hành Luật số 56/2024/QH15 ("Luật số 56") sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính. Luật số 56 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ một số điều khoản có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đã ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi thanh toán bù trừ và giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ và giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc tại thời điểm ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hạn nếu phân loại vào tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

Giá mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Các chi phí giao dịch này được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ". Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ (-) đi các khoản giảm trừ khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được đúng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán theo giá hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" thuộc phần thu nhập toàn diện khác sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và sẵn sàng để bán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá trị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm đánh giá lại do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường, chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày đánh giá lại hoặc chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thủ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị số sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá trị thị trường của các chứng khoán này.

Đối với chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại được ước tính dựa trên mô hình định giá nội bộ của Công ty. Cơ sở để xác định giá trị hợp lý là sử dụng một trong hai nhóm phương pháp định giá sau tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp cần định giá và khả năng thu thập thông tin như: phương pháp định giá chiết khấu; phương pháp định giá so sánh.

Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ✓ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ✓ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Phân loại lại tài sản tài chính**Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL**

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập; và
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và sẵn sàng để bán khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 210.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp, phải thu và dự thu cổ tức, lãi dự thu tài sản tài chính và phải thu bán tài sản tài chính.

Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp bao gồm phải thu nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán về phí dịch vụ môi giới, phí lưu ký chứng khoán, hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động tư vấn và dịch vụ khác.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ phải thu, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu bao gồm dự phòng suy giảm giá trị phải thu về gốc trái phiếu đáo hạn, dự phòng khó đòi và suy giảm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp và dự phòng suy giảm giá trị phải thu khác. Tăng hoặc giảm số dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	07
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Thiết bị văn phòng	03 – 05
Phương tiện vận tải	06
Tài sản khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê lô đất là 50 năm từ ngày 10 tháng 11 năm 2014 đến ngày 09 tháng 11 năm 2064.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê văn phòng, sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, phí bảo lãnh và thu xếp khoản vay, phí bảo trì và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và các khoản phải trả khác.

Các khoản vay

Các khoản vay của Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Vốn và các quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận vốn từ cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ dự trữ

Theo quy định tại Thông tư số 114/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 17 tháng 12 năm 2021, các quỹ dự trữ sẽ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng nhằm đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận sau thuế đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động không bao gồm các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị chênh lệch tăng/giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

Doanh thu

Doanh thu từ đầu tư vào công cụ tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay và phải thu, lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính ghi nhận các khoản chênh lệch lãi bán tài sản tài chính của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam).

Thu nhập lãi từ tài sản tài chính

Thu nhập lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức nhận được bằng tiền được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu hoạt động mỗi giới chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động mỗi giới chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu khác

Doanh thu khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Các khoản doanh thu liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành hoặc phân bổ theo đường thẳng trong thời gian cung cấp dịch vụ. Giá trị chưa phân bổ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện trên Báo cáo tình hình tài chính.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ bán các tài sản tài chính và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ bán các tài sản tài chính và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của công ty chứng khoán bao gồm chi phí hoạt động tự doanh, chi phí mỗi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh trên cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tình hình tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - Có góp vốn vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
 - Có quyền đóng kiểm soát Công ty.

- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
 (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty;
 (d) Bên liên quan là thành viên một thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);
 (e) Bên liên quan là một Công ty trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	659.991.582	136.442.376
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán	299.423.939.461	424.625.304.574
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	149.702.305	91.419.861
Tổng cộng	300.233.633.348	424.853.166.811

6. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
	VND	VND
Của công ty chứng khoán	701.836.909	81.202.566.645.342
Cổ phiếu	150.634.163	2.813.940.030.050
Trái phiếu	537.869.901	67.556.423.586.423
Chứng khoán khác	13.332.845	10.832.203.028.869
Của nhà đầu tư	3.487.994.108	93.262.844.381.087
Cổ phiếu	3.192.107.111	67.580.639.330.960
Trái phiếu	235.019.082	25.634.971.817.957
Chứng chỉ quỹ	165.913	3.390.392.880
Chứng khoán khác	60.702.002	43.842.839.290

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN CHÍNH

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	990.215.589.577	943.236.725.884	966.093.396.098	876.175.931.204
Cổ phiếu chưa niêm yết	186.183.397.486	325.782.298.663	109.565.592.696	307.119.206.566
Chứng chỉ quỹ	5.262.476.423	7.077.500.000	5.262.476.423	6.393.000.000
Trái phiếu niêm yết	623.733.970.000	623.733.970.000	285.485.500.000	285.485.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết	44.600.000.000	44.600.000.000	154.600.000.000	54.600.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	628.213.287.895	628.213.287.895	408.149.408.220	408.149.408.220
Tổng cộng	2.478.208.721.381	2.572.643.782.442	1.929.156.373.437	2.037.923.045.990

Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố chứng chỉ tiền gửi với số tiền 164.389.516.834 VND và trái phiếu chính phủ với số tiền 147.002.780.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 15).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	1.708.531.750.000	1.782.531.750.000
Tổng cộng	1.708.531.750.000	1.782.531.750.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng và lãi suất từ 5% đến 6,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023; kỳ hạn từ 06 tháng đến 13 tháng và lãi suất từ 5,2% đến 11%/năm).

Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 1.708.531.750.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 15).

Các khoản cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	3.193.557.161.274	2.722.118.948.018
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	47.757.259.990	54.683.702.271
Tổng cộng	3.241.314.421.264	2.776.802.650.289

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu chưa niêm yết	680.714.100.000	680.714.100.000	340.000.000.000	340.000.000.000
Giấy tờ có giá	-	-	428.078.947.369	428.078.947.369
Tổng cộng	680.714.100.000	680.714.100.000	768.078.947.369	768.078.947.369

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay kỳ quỹ (*)	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)
Tổng cộng	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)

(*) Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay kỳ quỹ đã được trích lập dự phòng suy giảm giá trị với giá trị gốc vay là 4.810.368.138 VND không được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Công ty thực hiện theo dõi lãi dự thu phát sinh cho mục đích quản trị nội bộ và sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực nhận.

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị: VND

Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại	
			Tăng	Giảm
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.478.208.721.381	2.572.643.782.442	268.109.422.559	(173.674.361.498)
Cổ phiếu niêm yết	990.215.589.577	943.236.725.884	37.125.214.576	(84.104.078.269)
Cổ phiếu chưa niêm yết	186.183.397.486	25.782.298.663	229.169.184.406	(89.570.283.229)
Chứng chỉ quỹ	5.262.476.423	7.077.500.000	1.815.023.577	-
Trái phiếu niêm yết	623.733.970.000	623.733.970.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	44.600.000.000	44.600.000.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	628.213.287.895	628.213.287.895	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	680.714.100.000	680.714.100.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	680.714.100.000	680.714.100.000	-	-
Tổng cộng	3.158.922.821.381	3.253.357.882.442	268.109.422.559	(173.674.361.498)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại	
			Tăng	Giảm
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.929.156.373.437	2.037.923.045.990	240.495.635.996	(131.728.963.443)
Cổ phiếu niêm yết	966.093.396.098	876.175.931.204	17.168.311.901	(107.085.776.795)
Cổ phiếu chưa niêm yết	109.565.592.696	307.119.206.566	222.196.800.518	(24.643.186.648)
Chứng chỉ quỹ	5.262.476.423	6.393.000.000	1.130.523.577	-
Trái phiếu niêm yết	285.485.500.000	285.485.500.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	154.600.000.000	154.600.000.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	408.149.408.220	408.149.408.220	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	768.078.947.369	768.078.947.369	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	340.000.000.000	340.000.000.000	-	-
Giấy tờ có giá	428.078.947.369	428.078.947.369	-	-
Tổng cộng	2.697.235.320.806	2.806.001.993.359	240.495.635.996	(131.728.963.443)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu	85.898.897.406	560.287.434.652
Phải thu bán tài sản tài chính	1.040.000.000	367.300.000.000
Phải thu bán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (*)	1.040.000.000	-
Phải thu bán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ đáo hạn (**)	-	367.300.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	84.858.897.406	192.987.434.652
Dự thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	44.154.600.723	95.946.587.696
Dự thu tiền lãi hoạt động margin	37.341.182.982	36.571.672.238
Dự thu tiền lãi trái phiếu chưa niêm yết	3.244.901.946	5.845.753.426
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiến bán	54.924.084	104.792.259
Dự thu tiền lãi giấy tờ có giá	-	38.714.068.486
Dự thu cổ tức cổ phiếu niêm yết	-	2.285.040.000
Dự thu tiền lãi trái phiếu niêm yết	63.287.671	13.519.520.547
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2.593.001.367	3.202.770.486
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	2.085.714.899	1.792.083.058
Phải thu hoạt động tư vấn	293.588.480	707.500.000
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	185.529.449	299.584.338
Phải thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	200.000.000
Phải thu dịch vụ khác	28.168.539	203.603.090
	88.491.898.773	563.490.205.136
Trong đó:		
Các khoản phải thu có khả năng thu hồi	87.820.934.184	547.225.447.260

(*) Số dư cuối năm thể hiện các khoản phải thu bán tài sản tài chính đã thực hiện giao dịch khớp lệnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tại ngày 02 tháng 01 năm 2025 (ngày T+2), Công ty đã thu hồi khoản phải thu bán cổ phiếu niêm yết này.

(**) Số dư đầu năm thể hiện các khoản phải thu trái phiếu chưa niêm yết đã đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong năm, Công ty đã thu hồi các khoản phải thu trái phiếu chưa niêm yết đã đáo hạn này.

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản thu trong năm:

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số dư dự phòng VND	Trích lập VND	Hoàn nhập VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số dư dự phòng VND
Dự phòng suy giảm giá trị phải thu về gốc trái phiếu đáo hạn	52.300.000.000	15.690.000.000	-	(15.690.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Lavida Invest	52.300.000.000	15.690.000.000	-	15.690.000.000)	-	-
Dự phòng khó đòi và suy giảm giá trị phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	638.244.871	532.257.876	18.206.711	(22.000.000)	947.377.218	628.464.589
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Bất động sản Việt Nam	22.000.000	15.400.000	6.600.000	(22.000.000)	-	-
Phi lưu ký và phí SMS - khách hàng tổ chức	156.496.307	147.639.614	22.114.755	-	284.698.079	169.754.369
Phi lưu ký và phí SMS - khách hàng cá nhân	469.748.564	369.218.264	89.491.956	-	662.678.239	468.710.220
Dự phòng suy giảm phải thu khác	42.500.000	42.500.000	-	-	42.500.000	42.500.000
Ứng trước cho người bán	42.500.000	42.500.000	-	-	42.500.000	42.500.000
Tổng cộng	52.980.744.871	16.264.757.876	118.206.711	(15.712.000.000)	989.877.218	670.964.589

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Thuê văn phòng	4.878.384.519	4.270.975.410
Bảo hiểm	994.812.277	723.410.065
Phí bảo lãnh khoản vay	332.453.342	1.863.501.338
Phí bảo tì	133.860.000	88.673.121
Khác	1.117.013.861	1.525.389.851
	7.456.523.999	8.471.949.785
Chi phí trả trước dài hạn		
Sửa chữa văn phòng	4.822.750.144	10.668.038.605
Công cụ, dụng cụ	1.056.360.629	2.153.655.538
Khác	490.962.457	579.529.406
	6.370.073.230	13.391.223.549



11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Số dư đầu năm	4.890.829.636	48.249.594.505	22.390.230.857	12.904.559.483	38.740.000	86.473.954.481						
Mua sắm trong năm	-	-	-	482.460.000	-	482.460.000						
Thanh lý, nhượng bán	-	(118.558.877)	-	-	-	(118.558.877)						
Số dư cuối năm	4.890.829.636	48.131.035.628	22.390.230.857	13.387.019.483	38.740.000	86.837.855.604						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Số dư đầu năm	4.890.829.636	33.587.087.075	13.556.089.463	3.298.226.492	8.740.000	55.370.972.666						
Khấu hao trong năm	-	3.343.298.311	2.193.750.062	2.523.448.779	-	8.060.497.142						
Thanh lý, nhượng bán	-	(118.558.877)	-	-	-	(118.558.877)						
Số dư cuối năm	4.890.829.636	36.811.826.509	15.749.839.515	5.821.675.271	8.740.000	63.312.910.931						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại ngày đầu năm	-	14.642.507.430	8.834.141.394	9.606.332.991	-	33.102.981.815						
Tại ngày cuối năm	-	11.319.209.119	6.640.391.342	7.565.344.212	-	25.524.944.673						

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 53.870.852.702 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 47.200.598.479 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	39.439.384.884	36.053.533.012	75.492.917.896			
Mua sắm trong năm	-	194.000.000	194.000.000			
Số dư cuối năm	39.439.384.884	36.247.533.012	75.686.917.896			
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	7.145.838.991	34.822.619.730	41.968.458.721			
Khấu hao trong năm	790.396.368	573.331.016	1.363.727.384			
Số dư cuối năm	7.936.235.359	35.395.950.746	43.332.186.105			
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	32.293.545.893	1.230.913.282	33.524.459.175			
Tại ngày cuối năm	31.503.149.525	851.582.266	32.354.731.791			

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 34.590.283.012 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 34.395.283.012 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã cầm cố quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 31.503.149.525 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 32.293.545.893 VND) (xem Thuyết minh số 15).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí phát triển phần mềm	4.001.224.000	-	-	-
Khác	312.645.770	-	-	-
	4.313.869.770	-	-	-

14. TIỀN NỢ CÁC QUỸ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Tiền nợ Quỹ Hỗ trợ thanh toán				
Tiền nợ ban đầu	3.154.440.111	3.154.440.111		
Tiền nộp bổ sung	10.285.174.778	10.285.174.778		
Tiền lãi phân bổ	6.560.385.111	6.560.385.111		
	20.000.000.000	20.000.000.000		
Tiền nợ Quỹ bù trừ giao dịch phái sinh				
Tiền nợ ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000		
Tiền lãi phân bổ	120.593.506	100.285.083		
	10.120.593.506	10.100.285.083		

15. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Tổng trong năm		Giảm trong năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Vay ngắn hạn	6.255.475.813.301	30.055.744.801.985	29.980.629.160.286	6.330.591.455.000				
Tổng cộng	6.255.475.813.301	30.055.744.801.985	29.980.629.160.286	6.330.591.455.000				

Chi tiết dư nợ vay ngắn hạn theo đối tượng như sau:

Đơn vị: VND	Phức sinh trong năm		
	Số đầu năm	Tăng	Giảm
		2.022.572.202.857	1.887.059.202.857
Nguồn hàng TMCP Xăng dầu Petroimex	564.487.000.000	-	700.000.000.000
Nguồn hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Toy Hồ	579.300.000.000	926.041.691.780	620.730.000.000
Nguồn hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Dịch Công	100.000.000.000	1.847.800.000.000	600.000.000.000
Nguồn hàng TMCP Tiên Phong	429.105.000.000	5.614.061.134.286	5.443.166.134.286
Nguồn hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội số chính	704.250.000.000	1.552.775.210.000	1.782.538.670.000
Nguồn hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Nguyễn Chánh	493.000.000.000	2.554.394.800.000	444.000.000.000
Nguồn hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	141.026.300.000	1.169.838.900.000	940.201.700.000
Nguồn hàng Công nghiệp Hàn Quốc - Chi nhánh Hà Nội	292.800.000.000	390.000.000.000	382.800.000.000
Nguồn hàng Taipei Fubon - Chi nhánh Hà Nội	-	248.380.000.000	-
Nguồn hàng TMCP Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Hà Nội	-	600.000.000.000	400.000.000.000
Nguồn hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Trụ sở chính	-	513.834.000.000	348.000.000.000
Nguồn hàng Thương mại TNHH MTV Digi duong - CN Thăng Long	165.000.000.000	1.077.752.202.857	1.092.752.202.857
Nguồn hàng TNHH MTV Sheehan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	292.617.230.000	145.614.450.000
Nguồn hàng IM - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Tên cũ Doogoo Bank)	120.000.000.000	240.000.000.000	240.000.000.000
Nguồn hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	750.000.000.000	650.000.000.000
Nguồn hàng Maybank - Chi nhánh Hà Nội	-	180.000.000.000	90.000.000.000
Nguồn hàng Maybank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	140.000.000.000	70.000.000.000
Nguồn hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Hội số chính	209.600.000.000	556.294.100.000	765.894.100.000
Nguồn hàng TMCP Đông Nam Á - Hội số chính	135.485.500.000	2.774.363.439.285	2.909.848.939.285
Nguồn hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	200.000.000.000	300.000.000.000	500.000.000.000
Nguồn hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	100.000.000.000	399.937.600.000	499.937.600.000
Nguồn hàng KEB Hana	230.000.000.000	-	230.000.000.000
Nguồn hàng Thương mại TNHH E-SUN	230.000.000.000	-	230.000.000.000
Nguồn hàng Shanghai Commercial & Saving Bank - Chi nhánh Singapore	240.820.000.000	-	240.820.000.000
Vay khác	1.320.602.013.301	6.005.082.290.920	6.296.189.669.221
Tổng cộng	6.255.475.613.301	30.055.744.801.985	29.980.629.160.286

1.099.494.635.000
6.330.591.455.000

Các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm cuối năm có kỳ hạn từ 04 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 3,5% đến 6,3%/năm cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Công ty đã sử dụng các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các tổ chức tín dụng để phòng ngừa rủi ro hối đoái của khoản vay ngoại tệ. Theo đó, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty không đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay được đảm bảo bằng giấy tờ có giá, trái phiếu chính phủ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty. Chi tiết giá trị hợp lý/giá trị còn lại của các tài sản được cầm cố để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Giấy tờ có giá	1.872.921.266.834	2.210.610.697.369
Trái phiếu chính phủ	147.002.780.000	-
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	31.503.149.525	32.293.545.893
	2.051.427.196.359	2.242.904.243.262

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	1.628.564.382	1.749.095.949
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)	698.399.195	696.104.916
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	1.310.175.221	36.908.334.622
Phải trả phát hành thêm	875.834.800	36.216.432.800
Phải trả nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	424.818.855	586.496.954
Phải trả các chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7.480.096	103.363.398
Khác	2.041.470	2.041.470
	3.637.138.798	39.353.535.487

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thekia	957.000.420	-
Công ty TNHH Du lịch và Sự kiện Bấu trời Hà Nội	342.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng Công Thương Việt Nam	309.474.000	479.182.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc D+ Việt Nam	169.658.182	169.658.182
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông DTS	-	8.331.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Ân	-	3.982.367.351
Công ty TNHH Điện lạnh và Thiết bị Công nghiệp Tân Thành	-	2.379.012.643
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	-	1.819.000.590
Công ty Cổ phần Y khoa & Thẩm mỹ Thu Cúc	-	740.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	-	703.800.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng Corinco	-	231.057.578
Khác	595.947.633	720.519.571
	2.374.080.235	19.555.997.915

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế khác	4.736.298	44.067	-	4.692.231
	4.736.298	44.067	-	4.692.231
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	33.885.840	485.810.266	199.732.108	319.963.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.323.197.931	59.171.072.777	57.797.052.662	20.697.218.046
Thuế thu nhập cá nhân	7.660.299.139	70.048.847.433	70.297.649.436	7.411.497.136
Thuế khác	-	2.313.863.369	2.313.863.369	-
	27.017.382.910	132.019.593.845	130.608.297.575	28.428.679.180

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	18.875.169.247	13.815.890.283
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do hoàn đổi ngoại tệ	-	185.819.178
Chi phí phải trả khác	3.626.725.236	2.694.492.649
	22.501.894.483	16.696.202.110



20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu												
Số dư đầu năm trước	1.487.383.110.000	6.150.512.734	(11.147.416.000)	(258.748.681)	2.504.901.214	369.687.484.829	1.854.319.844.096					
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	187.400.623.843	187.400.623.843					
Trích lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	(1.759.746.774)	(1.759.746.774)					
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(14.933.326.983)	(14.933.326.983)					
Chênh lệch đánh giá các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	-	-	13.934.270.000	-	-	-	13.934.270.000					
Biến động khác	-	-	(2.786.854.000)	-	-	-	(2.786.854.000)					
Số dư đầu năm nay	1.487.383.110.000	6.150.512.734	(7.913.146.000)	(258.748.681)	4.204.647.988	540.395.034.915	2.037.934.556.956					
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	231.086.774.298	231.086.774.298					
Bón cổ phiếu quỹ	-	1.278.567.819	-	258.748.681	-	-	1.537.316.500					
Trích lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	(2.735.993.212)	(2.735.993.212)					
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát (*)	-	-	-	-	-	(17.800.536.000)	(17.800.536.000)					
Biến động khác	-	-	-	-	-	150.800.000	150.800.000					
Số dư cuối năm nay	1.487.383.110.000	7.429.080.553	(7.913.146.000)	(258.748.681)	7.000.641.200	751.096.080.001	2.252.908.911.754					

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-DHĐCĐ-CKCT ngày 02 tháng 4 năm 2024, Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo luật định và quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023.

Chi tiết vốn cổ phiếu của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	148.738.311	1.487.383.110.000	148.738.311	1.487.383.110.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(36.962)	(369.620.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	148.738.311	1.487.383.110.000	148.701.349	1.487.013.490.000

21. TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG

	Năm trước		Năm nay	
	VND	VND	VND	VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối cuối năm trước	457.023.776.649	200.117.529.195		
Lãi đã thực hiện trong năm	242.552.063.493	273.599.321.211		
Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(2.735.993.212)	(1.759.746.774)		
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	(17.800.536.000)	(14.933.326.983)		
Khác	150.800.000	-		
Lãi đã thực hiện chưa phân phối cuối năm nay	679.190.110.930	457.023.776.649		

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

22.1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Công ty chứng khoán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.185.769.840.000	826.245.680.000		
Tài sản tài chính chờ thanh toán	800.000.000	-		
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	131.000.000.000	-		
	1.317.569.840.000	826.245.680.000		

22.2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của công ty chứng khoán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.460.000	1.460.000		
	1.460.000	1.460.000		

22.3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu	101.969.340.000	195.212.660.000		
Trái phiếu	570.714.100.000	1.281.900.000.000		
Giấy tờ có giá	624.000.000.000	280.000.000.000		
	1.296.683.440.000	1.757.112.660.000		

22.4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	14.422.296.540.000	12.233.699.445.000		
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	684.048.390.000	1.781.600.700.000		
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	4.300.960.240.000	3.814.447.330.000		
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	7.341.278.240.000	5.375.945.680.000		
Tài sản tài chính chờ thanh toán	60.357.660.000	102.341.310.000		
	26.808.941.070.000	23.308.034.465.000		

22.5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	54.787.000.000	90.941.390.000		
	54.787.000.000	90.941.390.000		

22.6. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Nhà đầu tư trong nước	81.932.310.000	104.186.650.000		
Cổ phiếu	79.910.060.000	102.873.360.000		
Trái phiếu	2.020.000.000	500.000.000		
Chứng quyền có bảo đảm	2.250.000	812.290.000		
Nhà đầu tư nước ngoài	-	900.000		
Cổ phiếu	-	900.000		
	81.932.310.000	104.186.550.000		

22.7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Nhà đầu tư trong nước				
Cổ phiếu	353.230.000	250.890.000		
Trái phiếu	730.000.000			
			12.180.000.000	
	1.083.230.000		12.430.890.000	

22.8. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Nhà đầu tư trong nước	242.217.110.000	17.556.460.000		
Cổ phiếu	242.217.110.000	17.556.460.000		
Nhà đầu tư nước ngoài	84.128.780.000			
			455.540.000	
Cổ phiếu	84.128.780.000	455.540.000		
	326.345.890.000		18.012.000.000	

22.9. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	621.159.044.799	792.983.924.882
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	619.260.178.750	789.563.181.029
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.589.286.290	599.077.970
Tiền gửi kỳ quỹ của Nhà đầu tư trong nước tại VSDC	309.579.759	2.821.665.883
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	106.657.687.808	130.396.066.737
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	25.736.282.232	56.258.127.013
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	22.881.441.484	53.558.444.913
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	2.854.840.748	2.699.682.100
	753.553.014.839	979.638.118.632

22.10. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	6.770.561.416	4.783.732.952
	6.770.561.416	4.783.732.952

22.11. Phải trả nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	753.553.014.839	979.638.118.632
Nhà đầu tư trong nước	748.799.308.042	973.511.527.679
Nhà đầu tư nước ngoài	4.444.127.038	3.304.925.070
Phải trả tiền gửi kỳ quỹ của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán phái sinh	309.579.759	2.821.665.883
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	6.770.561.416	4.783.732.952
	760.323.576.255	984.421.851.584

23. THU NHẬP**23.1. Lãi/lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

Đơn vị: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán năm nay	Lỗ bán chứng khoán năm trước
1.	Cổ phiếu niêm yết	68.709.721	1.240.960.446.550	1.171.311.485.170	69.648.961.380	131.319.110.383
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết	747.100	76.143.569.900	29.914.812.200	46.228.757.700	116.901.793.965
3.	Trái phiếu niêm yết	233.988.000	25.071.947.922.000	25.039.668.425.223	32.279.496.777	4.484.833.183
4.	Trái phiếu chưa niêm yết	9.952.221	5.623.652.670.179	5.616.755.264.244	6.897.405.935	15.139.236.211
5.	Công cụ thị trường tiền tệ				7.350.312.783	5.158.776.753
					162.404.934.575	273.003.750.495

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán năm nay	Lỗ bán chứng khoán năm trước
1.	Cổ phiếu niêm yết	1.956.080	47.663.514.000	49.501.839.561	1.838.325.561	965.474.358
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.252.900	90.630.610.000	93.033.937.700	2.403.327.700	3.551.486.580
3.	Trái phiếu niêm yết	16.615.000	1.799.634.900.000	1.823.943.594.777	24.308.694.777	1.805.757.183
4.	Công cụ thị trường tiền tệ				-	669.521.807
					28.550.348.038	6.992.239.928



23.2. Chính sách đánh giá lại các tài sản chính

STT	Tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị hợp lý	Chính sách đánh giá lại cuối năm	Chính sách đánh giá lại đầu năm	Chính sách đánh giá tăng trong năm	Chính sách đánh giá giảm trong năm
I.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.478.208.721.381	2.572.643.782.442	94.435.061.061	108.766.672.553	206.655.985.136	(220.987.596.628)
1.	Cổ phiếu niêm yết	990.215.589.577	943.236.725.884	(46.978.863.693)	(23.898.901.104)	177.364.153.354	(200.444.115.943)
	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	209.884.904.009	170.925.000.000	(38.969.904.009)	(9.111.420)	16.867.574.722	(56.818.367.311)
	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	207.993.836.898	238.355.000.000	30.361.163.402	(202.066.833)	80.563.985.217	(60.000.754.982)
	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	172.233.359.311	178.926.350.000	6.692.990.689	-	17.424.096.689	(10.731.105.000)
	Công ty Cổ phần Tập đoàn GLEX	145.368.280.000	122.963.890.000	(22.404.390.000)	-	11.853.880.000	(34.258.270.000)
	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí	96.760.195.000	61.636.540.000	(4.123.655.000)	-	1.623.925.000	(6.467.580.000)
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	87.709.460.862	71.336.582.400	(16.372.878.462)	(16.372.878.462)	12.075.202.750	(12.075.202.750)
	Công ty Cổ phần Fecon	48.182.560.000	47.601.840.000	(580.720.000)	-	11.540.760.000	(12.121.470.000)
	Công ty Cổ phần Hoà dầu Petrolimex	11.514.470.798	10.339.840.000	(1.174.630.798)	-	1.196.621.361	(2.371.252.159)
	Công ty Cổ phần Chuong Duong	6.760.000.000	6.820.000.000	60.000.000	1.912.500.000	1.897.205.029	(3.749.705.029)
	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	4.800.400.000	4.312.500.000	(487.900.000)	-	72.550.000	(660.450.000)
	Cổ phiếu khác	8.122.999	19.183.484	11.060.485	(9.227.344.389)	22.348.343.586	(13.109.958.712)
2.	Chứng chỉ quỹ	5.262.476.423	7.077.500.000	1.815.023.577	1.130.523.577	921.500.000	(237.000.000)
3.	Cổ phiếu chưa niêm yết	186.163.397.486	325.782.298.663	139.598.901.177	131.535.050.080	28.370.331.782	(20.306.480.685)
	Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	47.809.162.642	275.589.956.592	227.780.793.950	218.661.897.254	9.119.196.696	-
	Công ty Cổ phần Hoàng nhập quốc tế 16 Hoàng Anh Gia Lai	94.709.854.790	33.086.582.600	(61.623.302.190)	(66.018.563.790)	14.711.917.300	(10.316.655.700)
	Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lê	35.065.711.200	14.757.705.900	(20.308.005.300)	(19.108.927.200)	1.994.598.000	(3.193.676.100)
	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Tài trợ	7.630.000.000	-	(7.630.000.000)	(5.526.646.000)	-	(2.104.354.000)
	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bình Hòa - Vũng Tàu	956.136.400	2.343.252.260	1.387.115.860	1.701.916.968	392.490.656	(707.291.764)
	Cổ phiếu khác	12.532.454	4.831.311	(7.701.143)	1.824.672.848	2.152.129.130	(3.984.503.121)
4.	Trái phiếu niêm yết	623.733.970.000	623.733.970.000	-	-	-	-
5.	Trái phiếu chưa niêm yết	44.600.000.000	44.600.000.000	-	-	-	-
6.	Chứng chỉ tiền gửi	628.213.287.895	628.213.287.895	-	-	-	-
II.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	680.714.100.000	680.714.100.000	-	-	63.131.320.000	(63.131.320.000)
1.	Trái phiếu chưa niêm yết	680.714.100.000	680.714.100.000	-	-	-	-
2.	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	63.131.320.000	(63.131.320.000)
	Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	-	-	-	-	63.131.320.000	(63.131.320.000)
	Tổng cộng	3.158.922.821.381	3.253.357.882.442	94.435.061.061	108.766.672.553	269.787.305.136	(284.118.916.628)

23.3. Cơ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính, phải thu và cho vay, tài sản tài chính sẵn sàng để bán

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Từ lãi sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	22.707.072.240	53.939.020.068
Cổ phiếu	8.906.678.600	15.525.439.818
Trái phiếu	13.762.537.224	38.413.580.250
Chứng chỉ tiền gửi	37.856.416	-
Từ lãi sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	119.525.223.514	162.032.721.280
Từ lãi sản tài chính phải thu và cho vay	319.637.893.115	253.381.553.614
Lãi hoạt động margin	306.985.981.793	242.502.360.997
Lãi hoạt động ứng trước tiền bán	12.651.911.322	10.879.192.617
Từ lãi sản tài chính sẵn sàng để bán	64.879.576.528	72.374.821.001
Cổ phiếu	1.500.000.000	-
Trái phiếu	55.361.025.708	22.989.041.132
Chứng chỉ tiền gửi	1.900.000.000	23.441.678.081
Công cụ thị trường tiền tệ khác	6.118.550.820	25.944.101.788
	526.749.765.397	541.728.115.963

24. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	19.444.366.599	17.533.991.397
Phí quản lý thành viên và phí định kỳ hàng năm phân bổ cho hoạt động môi giới	642.873.831	488.000.000
Chi phí quản lý hoạt động môi giới	55.901.881.356	60.207.571.106
Trong đó:		
Chi phí nhân viên	22.314.718.712	18.610.477.662
Vật tư văn phòng	236.650.476	214.428.200
Công cụ, dụng cụ	544.103.868	1.051.576.117
Chi phí khấu hao	989.162.158	2.153.686.267
Dịch vụ mua ngoài	8.191.033.894	24.824.254.322
Chi phí khác	23.626.212.248	13.353.148.538
	75.989.121.786	78.229.562.503

25. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Phí lưu ký chứng khoán cho khách hàng	7.897.322.675	7.183.748.575
Chi phí quản lý hoạt động lưu ký	12.079.294.369	9.566.388.519
Trong đó:		
Chi phí nhân viên	8.820.407.680	7.564.386.743
Vật tư văn phòng	178.290.093	60.728.339
Công cụ, dụng cụ	297.630.717	509.169.096
Chi phí khấu hao	434.739.592	13.982.126
Dịch vụ mua ngoài	2.118.209.246	1.137.300.476
Chi phí khác	230.017.041	280.821.739
	19.976.617.044	16.750.137.094

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.411.361.570	3.377.945.091
Doanh thu khác về đầu tư	1.394.316.275	1.369.596.591
	3.805.677.845	4.747.541.682

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	251.314.962.363	300.452.195.784
Chi phí repo chứng chỉ tiền gửi	-	6.626.066.859
Chi phí đầu tư khác	5.028.717.385	34.716.122.862
	256.343.679.748	341.794.385.505

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	79.098.796.764	70.666.407.725
Chi phí vật tư văn phòng	2.324.460.545	1.829.686.982
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.559.085.018	6.144.436.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.371.056.859	4.036.982.442
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.563.953.790	2.574.528.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.592.689.502	18.771.874.170
Chi phí khác	16.108.952.881	19.409.733.562
	138.618.995.359	123.433.649.749

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	287.391.524.778	230.871.766.587
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(217.062.663.736)	(222.410.844.159)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	225.526.502.839	318.008.478.399
Thu nhập chịu thuế	295.855.363.881	326.469.400.827
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	59.171.072.777	65.293.880.166

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	(25.613.864.751)	(44.431.297.709)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL	2.866.322.297	21.604.286.958
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán thực hiện trong năm	-	(2.786.854.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch tạm thời	218.450.464	-
Số dư cuối năm	(22.529.091.990)	(25.613.864.751)

30. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Tính bày lại)	Năm trước (Đã trình bày)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	231.086.774.298	187.400.623.843	187.400.623.843
Điều chỉnh lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát (*)	-	(17.800.536.000)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	231.086.774.298	169.600.087.843	187.400.623.843
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu) (**)	148.723.830	148.701.349	148.701.349
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.554	1.141	1.260

(*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 02 tháng 4 năm 2024, Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo luật định và quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023.

(**) Trong năm, Công ty đã thực hiện bán 36.962 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 66/2024/NQ-HĐQT-CKCT của Hội đồng Quản trị ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo phương thức giao dịch khớp lệnh với mục đích bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thực hiện ước tính số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa trên ước tính chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức năm 2025 và do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Lãi hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán thực hiện trong năm	-	13.934.270.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ lãi đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán thực hiện trong năm	-	(2.786.854.000)
Tổng cộng	-	11.147.416.000

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Doanh thu phí lưu ký trái phiếu	516.858.724	1.395.657.385
Doanh thu từ lãi tiền gửi	1.482.443.973	1.099.985.553
Chi phí trả lãi tiền gửi	1.349.237.431	716.181.880
Doanh thu phí tư vấn phát hành	340.000.000	350.000.000
Doanh thu khác	74.308.455	83.568.547
Chi phí hoa hồng môi giới và Hợp tác kinh doanh	2.219.707.840	16.022.759.333
Chi phí thuế vốn phòng	2.952.000.000	2.936.640.000
Phí chuyển tiền	28.774.515	50.084.571
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Doanh thu phí lưu ký	20.318.257	21.360.858
Chi phí lãi tiền gửi	834.207	376.385
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam		
Chi phí bảo hiểm phân bổ	1.080.132.295	906.759.715
Chi mua bảo hiểm	1.525.135.540	1.103.405.671
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Mua hàng	284.948.000	875.252.000
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Dịch vụ thẩm định giá	-	50.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Tiền gửi thanh toán của Công ty	84.009.740.384	99.196.673.758
Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	556.798.332.281	795.109.883.282
Các khoản phải thu (lãi tiền gửi, phải thu khác)	15.600.884	16.009.652
Đầu tư giấy tờ có giá	175.500.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.480.096	103.363.398
Các khoản phải trả	604.747.416	604.747.416
Doanh thu chưa thực hiện	346.397.427	563.256.151
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Phải trả về tiền gửi giao dịch chứng khoán	189.830.654	1.347.440.949
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam		
Chi phí trả trước	1.019.996.172	855.930.868
Phải thu phí bảo hiểm	-	3.466.650
Phải trả phí bảo hiểm	4.160.000	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được trả trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Phúc Vinh	Chủ tịch	2.325.330.595	2.035.336.152
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên	266.264.207	236.798.050
Bà Hà Thu Phương	Thành viên (i)	-	3.848.112
Bà Phạm Thị Huyền Trang	Thành viên độc lập (ii)	566.014.737	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên độc lập (iii)	260.342.105	797.600.000
Ban Kiểm soát		2.392.581.854	2.218.615.124
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Vũ Đức Mạnh	Tổng Giám đốc	2.190.420.075	1.933.189.929
Bà Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc	1.263.067.063	1.136.075.848
Ông Đặng Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	1.517.130.488	1.335.577.612
Ông Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	1.286.810.674	1.219.518.072
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.282.753.935	1.169.437.061
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc (i)	-	85.317.749

(i) Miễn nhiệm năm 2022

(ii) Bổ nhiệm năm 2024

(iii) Miễn nhiệm năm 2024

33. BÁO CÁO CÁC BỘ PHẬN

Chỉ tiêu	Môi giới chứng khoán VND	Đầu tư vào công ty tài chính VND	Hoạt động kinh doanh vốn VND	Hoạt động tu vấn, đặt lý phát hành VND	Hoạt động lưu ký VND	Hoạt động đầu tư khác VND	Tổng cộng VND
Báo cáo kết quả hoạt động							
năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024							
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	424.828.131.553	571.616.630.752	174.108.846.245	9.985.183.340	12.989.457.983	8.271.188.358	1.201.799.438.231
2. Doanh thu không phân bổ							6.597.414.276
3. Các chi phí trực tiếp	75.684.787.699	389.521.349.738	40.309.393.843	12.802.328.051	19.976.617.044	96.206.711	538.390.683.086
4. Khấu hao và chi phí phân bổ	44.454.128.460	59.814.115.983	18.218.795.890	1.044.852.235	1.359.220.332	865.499.345	125.756.612.246
5. Chi phí không phân bổ							256.858.032.398
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	304.689.215.394	122.281.165.031	115.580.656.512	(3.861.996.946)	(8.346.379.393)	7.309.482.302	287.391.524.776
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024							
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	3.304.221.884.031	3.026.203.267.192	1.984.338.857.895	293.568.480	3.156.242.350	28.168.539	8.318.241.008.487
2. Tài sản phân bổ	134.052.020.976	180.370.269.491	54.939.023.514	3.160.765.938	4.098.747.151	2.609.924.892	374.220.751.942
3. Tài sản không phân bổ							669.991.562
Tổng tài sản	3.438.273.905.007	3.206.573.536.683	2.039.277.881.409	3.444.354.418	7.253.989.501	2.638.093.431	8.698.121.752.031
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.938.739.603	6.330.591.455.000	-	1.560.834.368	698.399.195	-	6.335.809.428.166
2. Nợ phải trả phân bổ	27.568.262.835	37.093.771.215	11.298.400.644	647.965.938	842.921.561	536.740.102	77.988.062.295
3. Nợ phải trả không phân bổ							31.415.349.816
Tổng nợ phải trả	30.507.002.438	6.367.685.226.215	11.298.400.644	2.228.800.306	1.541.320.756	536.740.102	6.445.212.840.277

Chỉ tiêu	Môi giới chứng khoán VND	Đầu tư vào công ty tài chính VND	Hoạt động kinh doanh vốn VND	Hoạt động tu vấn, đặt lý phát hành VND	Hoạt động lưu ký VND	Hoạt động đầu tư khác VND	Tổng cộng VND
Báo cáo kết quả hoạt động năm tài chính							
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023							
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	353.725.644.379	541.704.446.533	226.531.270.652	9.401.182.370	12.403.166.859	467.674.964	1.144.231.385.757
2. Doanh thu không phân bổ							5.699.300.923
3. Các chi phí trực tiếp	76.229.562.603	345.758.330.568	177.593.405.426	10.945.893.138	16.750.137.094	(420.773.457)	628.856.555.272
4. Khấu hao và chi phí phân bổ	34.615.370.130	53.010.858.036	22.148.208.340	919.993.822	1.213.570.426	45.766.377	111.973.767.131
5. Chi phí không phân bổ							178.228.597.690
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	240.880.711.746	142.906.457.929	26.798.455.856	(2.464.704.590)	(5.542.540.661)	6.541.982.967	230.871.746.587
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023							
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	2.839.084.625.721	4.137.293.709.300	974.942.424.076	907.500.000	(12.003.781.793)	203.603.090	7.940.428.080.394
2. Tài sản phân bổ	159.666.188.846	244.516.861.679	102.252.650.364	4.243.545.764	5.597.491.547	211.101.118	516.488.039.319
3. Tài sản không phân bổ							136.442.376
Tổng tài sản	2.998.750.814.567	4.381.810.570.979	1.077.195.074.440	5.151.045.764	(6.406.090.246)	414.704.208	8.457.052.562.089
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	38.687.430.571	6.255.475.813.301	-	1.610.750.548	696.104.976	-	6.296.440.099.336
2. Nợ phải trả phân bổ	25.467.698.418	39.001.880.964	16.309.900.554	676.870.567	892.864.802	33.071.872	82.382.887.177
3. Nợ phải trả không phân bổ							40.295.018.620
Tổng nợ phải trả	64.125.128.989	6.294.477.694.265	16.309.900.554	2.287.621.115	1.588.969.718	33.071.872	6.419.118.005.133

Để phục vụ mục đích quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành các bộ phận: Mỗi giới chứng khoán, Đầu tư vào công cụ tài chính, Hoạt động kinh doanh vốn, Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành, Hoạt động lưu ký và Hoạt động đầu tư khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này.

Doanh thu bộ phận: Là doanh thu trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty được tính trực tiếp hoặc phân bổ cho bộ phận, bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài.

Chi phí bộ phận: Là chi phí phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp cho bộ phận đó và phần chi phí của Công ty được phân bổ cho bộ phận đó, bao gồm cả chi phí bán hàng ra bên ngoài và chi phí có liên quan đến những giao dịch với bộ phận khác của Công ty.

Tài sản của bộ phận: Là tài sản đang được bộ phận đó sử dụng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và được tính trực tiếp hoặc được phân bổ vào bộ phận đó.

Các khoản nợ phải trả bộ phận: Là các khoản nợ trong kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp hoặc phân bổ vào bộ phận đó.

Cách thức phân bổ tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí cho các bộ phận phụ thuộc vào tính chất của khoản mục hay hoạt động do bộ phận đó tiến hành và quyền tự chủ của bộ phận đó. Công ty đang phân bổ tài sản, nợ phải trả, chi phí chung theo tỷ lệ doanh thu bộ phận trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	12.873.640.000	10.713.640.000
Trên 1 năm đến 5 năm	47.870.275.000	28.912.040.000
Trên 5 năm	19.635.000.000	7.452.958.333
	80.378.915.000	47.078.638.333

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 3.485,5 m² tại tòa nhà N02-T2, khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội với giá thuê 7.777.000.000 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn tính từ ngày 20 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 16 tháng 11 năm 2029.

- Tổng số tiền thuê 550 m² tại Tầng 1, tầng 3 và tầng 5, tòa nhà văn phòng thuộc cao ốc Central Garden tại 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 330.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 10 năm (không bao gồm thời gian miễn tiền thuê mặt bằng) kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2024 đến hết ngày 14 tháng 6 năm 2034.

- Tổng số tiền thuê 320 m² tại Tầng 8, tòa nhà văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, số 36 Trần Quốc Toản, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với giá thuê 94.720.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2022.

Trong năm, Công ty đã thực hiện bổ sung thỏa thuận về việc thanh lý trước hạn Hợp đồng thuê văn phòng số 3006/2021/HĐCTVP ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro trọng yếu bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động. Nhìn chung, các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Công ty đặt ra những mục tiêu và quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính, xác lập quy trình Quản lý rủi ro trọng yếu bao gồm: nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi và giám sát rủi ro, kiểm soát và xử lý rủi ro và báo cáo rủi ro. Chính sách quản lý rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với các biến động và xu hướng của thị trường.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh từ những thay đổi bất lợi do những thay đổi của thị trường về giá trị của các trạng thái hoặc các danh mục tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành. Rủi ro thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại hối và rủi ro giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng việc thường xuyên phân tích và nhận định thị trường để nhận diện rủi ro, theo dõi các hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, các hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, tỷ lệ ký quỹ của khách hàng để có hành động ứng phó kịp thời, đồng thời đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty có rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại, Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ có rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu/phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vì các công cụ tài chính của Công ty chủ yếu có lãi suất cố định, do đó ảnh hưởng của của thay đổi lãi suất đối với Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi Công ty có trạng thái ngoại tệ. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam, do đó rủi ro tiền tệ không đáng kể.

Cho mục đích giảm thiểu rủi ro ngoại hối, Công ty áp dụng biện pháp phòng ngừa rủi ro thông qua việc ký kết các hợp đồng phái sinh ngoại tệ với các ngân hàng thương mại.

Rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình hình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền một với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời, Công ty thường xuyên thực hiện rà soát danh mục tài sản, thời hạn phải thanh toán của từng khoản và nguồn vốn sẵn có hoặc dự kiến sẽ có để thanh toán để đảm bảo rủi ro thanh khoản được quản lý phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty.

Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Công ty. Rủi ro hoạt động do các yếu tố bên ngoài gồm rủi ro thuế ngoài, rủi ro do thiên tai, lũ lụt, cháy nổ v.v; rủi ro do các hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản do đối tượng bên ngoài gây nên.

Để quản lý rủi ro hoạt động, Công ty thiết lập hệ thống kiểm soát chặt chẽ thông qua các quy định, quy trình, hệ thống và các biện pháp kiểm soát để đảm bảo hiệu quả hoạt động, an toàn tài sản, thông tin quản lý đáng tin cậy và tuân thủ quy định của Pháp luật. Ngoài ra, Công ty áp dụng công cụ đo lường rủi ro hoạt động thông qua việc lượng hóa tổn thất theo các nhóm hoạt động kinh doanh trên cơ sở tùy thuộc đặc điểm hoạt động, khả năng đáp ứng về thông tin v.v.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 417.176.119 VND (năm 2023: 12.910.624.320 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang đã phát sinh mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm đã bao gồm 1.305.519.582 VND (năm 2023: 0 VND), là số tiền ứng trước cho nhà thầu xây dựng cơ bản. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động của Công ty cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.



Lưu Thị Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc Tài
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025